



DINH DƯỠNG

Vì chất lượng cuộc sống

NUTRITION

For the quality of life

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA
BIBICA CORPORATION

Tên tiếng Anh/ *English name* : BIBICA CORPORATION

Tên viết tắt/ *Abbreviation* : BIBICA

Vốn điều lệ/ *Charter Capital* : 154,207,820,000 đồng/ VND

Trụ sở chính: 443, Lý Thường Kiệt, F8, Q. Tân Bình, Tp HCM

Head office: 443 Ly Thuong Kiet Street, Ward 8, Tan Binh District, HCMC

Số điện thoại/ *Telephone number* : 84.8.39717920

Số fax/ *Fax number* : 84.8.39717922

Website : www.bibica.com.vn

Mã cổ phiếu/ *Stock code* : BBC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Business registration code:*
3600363970

Báo cáo thường niên 2016 – Annual report 2016

NỘI DUNG – TABLE OF CONTENTS

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH – VISION AND MISSION

A.- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN – ANNUAL REPORT

I.- THÔNG TIN CHUNG – GENERAL INFORMATION	6
1. Quá trình hình thành và phát triển – <i>Milestones</i>	6
2. Ngành nghề kinh doanh – <i>Lines of the Business</i>	9
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý <i>Information about management model, operations and organisation structure</i>	12
4. Định hướng phát triển – <i>Development strategies</i>	15
5. Các rủi ro– <i>Risk analysis</i>	15
II.- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM – BUSINESS RESULT IN A YEAR..	17
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh– <i>General business result</i>	17
2. Tổ chức và nhân sự - <i>Organisation structure and human resources</i>	19
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết <i>Investment activities, projects and resolutions execution</i>	23
4. Tình hình tài chính/ <i>Financial situation</i>	25
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu <i>Shareholders structure, change in the owner's equity</i>	27
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty <i>Report on environmental and communitive effects</i>	29
III.- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC- REPORT OF BOARD OF MANAGEMENT	31
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh <i>Assessment of operating results</i>	31
2. Tình hình tài chính - <i>Financial situation</i>	33
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý <i>Improvements on organizational structure, policies and management system</i>	34
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai – <i>Future development plan</i>	36
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán <i>Explanation of BOM on auditors' assessment</i>	38
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty <i>Report on Company's repsonsibilities to environment and society</i>	39

IV.- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
REPORT OF BOARD OF DIRECTORS ON BUSINESS PERFORMANCE.....	40
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	
<i>General assessment on business performance.....</i>	<i>40</i>
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	
<i>Monitoring report on BOM's performance</i>	<i>41</i>
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	
<i>Plans and orientations of Board of Directors.....</i>	<i>41</i>
V.- QUẢN TRỊ CÔNG TY – COMPANY MANAGEMENT.....	42
1. Hội đồng quản trị- <i>Board of Director</i>	<i>42</i>
2. Ban kiểm soát– <i>The Supervisory Board.....</i>	<i>46</i>
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	
<i>Transactions, remunerations and other interests of BOD, BOM andBOS</i>	<i>47</i>
VI.- BÁO CÁO TÀI CHÍNH – FINANCIAL STATEMENT	49
1. Ý kiến kiểm toán – <i>Auditing assessment</i>	<i>49</i>
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán – <i>Audited financial reports</i>	<i>57</i>



Tầm nhìn - *Vision*

CÔNG TY BÁNH KẸO HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

***BECOMING THE LEADING CONFECTIONERY
MANUFACTURER IN VIETNAM***



Sứ mệnh - *Missions*

**LỢI ÍCH NGƯỜI TIÊU DÙNG: GIÁ TRỊ DINH
DƯỠNG & AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

***CONSUMER INTERESTS: NUTRITIOUS VALUE &
FOOD HYGIENE SAFETY***

**LỢI ÍCH XÃ HỘI: 100 PHÒNG HỌC, 1000 SUẤT HỌC
BỔNG.**

***SOCIAL INTERESTS: 1,000 CLASSROOMS; 10,000
SCHOLARSHIPS***

Chính sách chất lượng – *Quality Policies*

**“KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM TRONG MỌI
HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI”**

“CUSTOMER IS THE CORE OF OUR ACTIVITIES”

Cam kết – *Commitments*

- Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, hình thức đẹp, hấp dẫn, tất cả vì sức khỏe và sự ưa thích của khách hàng;
Supplying nutritional and food safety products under eye catching packaging design to the market, in effort to satisfy customers in terms of health and their preferences;
- Không ngừng cải tiến công tác quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để có được sản phẩm và dịch vụ tốt nhất với giá thành tốt nhất;
Enhancing the management jobs, improving quality of all products and services continuously in an aim to offering market with the best products and services at the best pricing;
- Duy trì mối quan hệ cùng có lợi với các đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng và các đối tác kinh doanh khác;
Maintaining mutually beneficial relationships with dealers, distributors, suppliers and other business partners;
- Tuân thủ các quy định của Nhà nước, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm sản xuất tại Công ty;
Being compliance with the law, ensuring all hygiene and safety criteria applying on all products manufacturing in our factories;
- Có trách nhiệm với xã hội, đóng góp tích cực cho xã hội, bảo vệ môi trường vì chất lượng cuộc sống của cộng đồng.
Being responsible for society, actively contributing to society, protecting environment ensure for life quality of the community.

I. THÔNG TIN CHUNG – GENERAL INFORMATION

1. Quá trình hình thành và phát triển - Milestones

1999

Thành lập Công ty- *Company Establishment*

- Ngày 16/01/1999, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa với thương hiệu Bibica được thành lập từ việc cổ phần hóa ba phân xưởng: bánh, kẹo và mạch nha của Công ty Đường Biên Hoà;
On January 16th 1999, Bien Hoa Confectionery Joint Stock Company, under Bibica brandname was established from equitizing 03 workshops from Bien Hoa Sugar Company: cookies, candy and glucose syrup;
- Vốn điều lệ 25 tỉ đồng;
Charter capital: 25 billion VND;
- Mở rộng nâng công suất dây chuyền sản xuất kẹo mềm 11 tấn/ngày.
Soft candy production line was invested to expand and upgrade the capacity up to 11 tons/ day.

2000

2005

Tăng vốn điều lệ, thành lập thêm nhà máy thứ 2 tại Hà Nội *Increased charter capital, established 2nd factory in Hanoi*

- **Năm 2000:**
 - Phát triển hệ thống phân phối theo mô hình mới. Thành lập bốn chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ;
Developed distribution system under new model, established 03 branches in Hanoi, Da Nang, Ho Chi Minh City, Can Tho
 - Đầu tư dây chuyền sản xuất bánh snack nguồn gốc Indonesia với công suất 2 tấn/ngày;
Invested Snack production line from Indonesia with capacity up to 2 tons/ day
 - Công ty vinh dự là đơn vị đầu tiên trong ngành hàng bánh kẹo Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001 của tổ chức BVQI Anh Quốc.
Company was honor to be the first company in Vietnam confectionery industry which received the ISO 9001 Certificate of BVQI Organisation England.
- **Năm 2001:**
 - Tăng vốn điều lệ từ 25 tỉ đồng lên 35 tỷ đồng từ nguồn vốn tích lũy sau 2 năm hoạt động với pháp nhân Công ty Cổ Phần;
Increased charter capital of 25 billion to 35 billion VND from funds accumulating after 2 years of operation under legal status as joint stock company;
 - Tháng 7: nâng vốn điều lệ lên 56 tỉ đồng;
In July: increased charter capital to 56 billion VND;
 - Tháng 9: đầu tư dây chuyền sản xuất bánh trung thu và cookies nhân công suất 2 tấn/ngày với tổng mức đầu tư 5 tỉ đồng;
In September: invested on mooncake and cookies production line with 2 tons/day capacity with total investment of 5 billion VND;
 - Tháng 11: Công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép niêm yết trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ đầu tháng 12/2001;
In November: State Securities Commission authorized company to list on the Stock Market and official transaction at HCMC Stock Exchange Center since December 2001;

- Cuối năm 2001, Công ty lắp đặt dây chuyền sản xuất bánh Bông Lan kem Hura cao cấp nguồn gốc Châu Âu, công suất 1,500 tấn/năm, với tổng mức đầu tư lên đến 19,7 tỷ đồng.
By the end of 2001, company set up premium Hura sponge cake production plan – from Europe with capacity of 1,500 tons/ year, with total investment to 19.7 billion VND.
- **Năm 2002:**
 - Tháng 4: Thành lập Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II tại khu công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội;
In April: Established Bien Hoa II Confectionery Factory in Sai Dong Industrial Park B, Long Bien, Hanoi;
 - Tháng 10: Đưa vào vận hành dây chuyền chocolate với công nghệ hiện đại của Anh Quốc. Sản phẩm Chocobella của Bibica nhanh chóng trở nên thân thiết với người tiêu dùng trong nước;
In October: Operated chocolate production plan with modern technology of England. Chocobella product of Bibica quickly became familiar with domestic consumer.
 - Cuối năm 2002, Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng dây chuyền Snack nâng công suất lên 4 tấn/ngày.
By the end of 2002, Company launched the project to expand the capacity of Snack production line to 4 tons/day.
- **Năm 2004:**
 - Đầu tư vào hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP;
Invested on the ERP overall corporate management system;
 - Hợp tác với Viện Dinh Dưỡng Việt Nam để phối hợp nghiên cứu sản xuất những sản phẩm dinh dưỡng, đáp ứng mong muốn sử dụng các sản phẩm tốt cho sức khoẻ của người tiêu dùng;
Corporated with Vietnam Nutrition Institute to research and produce nutritious products to meet the customer demand;
 - Vào năm đầu năm 2005, với sự tư vấn của Viện Dinh Dưỡng Việt Nam, Công ty cho ra đời dòng sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ em, phụ nữ có thai và cho con bú, người ăn kiêng, bị tiểu đường.
At the beginning of 2005, with the consultant of Vietnam Nutrition Institute, company launched the nutritious products for children, pregnant and breastfeeding women, dietician, diabetic.

Nâng cao hiệu quả quản trị Công ty

Improve the efficiency of Corporate Governance

- **Năm 2011:**
 - Cải tổ toàn diện hệ thống bán hàng, mở thêm nhà phân phối, tăng số lượng nhân sự bán hàng. Doanh số năm 2011 lần đầu tiên cán mức con số trên 1.000 tỉ.
Re-structured the whole sales system, expand more distributors, increase sales person. Sales of 2011 reached over 1,000 billion for the first time ever.
- **Năm 2012:**
 - Đầu tư hệ thống quản lý bán hàng DMS và hoàn thiện hệ thống đánh giá cho lực lượng bán hàng và nhà phân phối;
Invested DMS sales management system and completed the evaluation system for the sales force and distributors;

2011

2016

- Nâng cấp hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP lên phiên bản ERP R12 với kinh phí 4 tỉ đồng và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2012.
4 billion VND was invested to improve ERP Corporate Governance system to ERP P12 version; the system was launched officially since December 2012.
- **Năm 2014:**
 - Đầu tư công cụ hỗ trợ bán hàng bằng thiết bị PDA, nhằm kiểm soát, thúc đẩy nhân viên viếng thăm cửa hàng trên tuyến và chuyển đơn hàng về Nhà phân phối tức thời;
Invested on sales auxiliary tool by PDA equipment in order to control and push sales staff to visit stores on route and transfer orders to the distributors immediately.
 - Đầu tư hệ thống an toàn công nghệ thông tin đưa vào sử dụng từ tháng 9/2014 đảm bảo an toàn hoạt động hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin khi xảy sự cố mất điện, cháy nổ.
Invested on IT safety system, this was launched since September 2014 in order to guarantee the safe operation of IT infrastructure system in case of power putage or fire.
- **Năm 2015:**
 - Áp dụng thành công MFCA trong sản xuất, kiểm soát lãng phí trong sản xuất có hiệu quả và triệt để hơn.
Successfully implemented MFCA in production, waste control in production was more efficient and thoroughly.
- **Năm 2016:**
 - Lần đầu tiên cán mức doanh số trên 1.250 tỷ & tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn hàng Việt Nam chất lượng cao 21 năm liền.
For the first time ever, sales were more 1,250 billion and continue to be voted as Vietnam high quality products 21 years in a row by consumers.



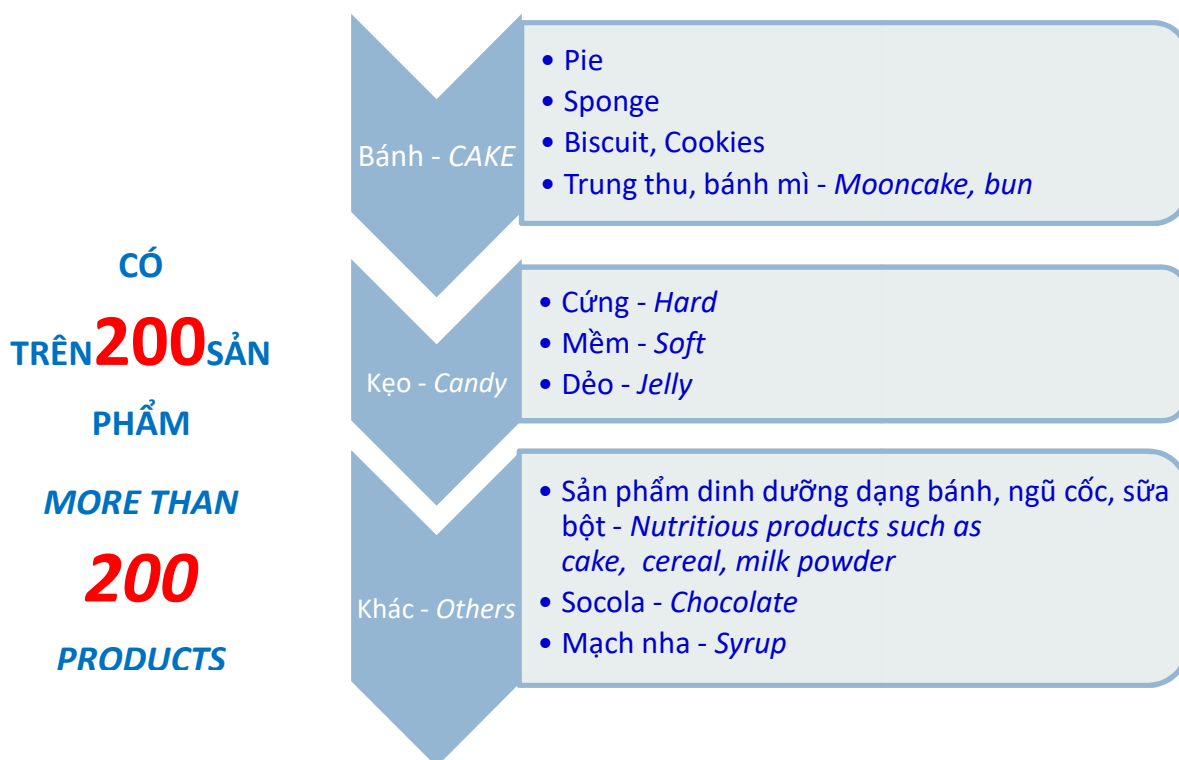
2. Ngành nghề kinh doanh – *Lines of the Business*

a. Ngành nghề kinh doanh – *Lines of the Business:*

Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa.

Producing and trading sugar products, confectionery products, syrup, nutritious powder, milk and dairy products.





b. Địa bàn –Location of business

- Khối sản xuất – Production

- **Trụ sở chính CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA – BIBICA CORPORATION Head Office**
443 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh.
443 Ly Thuong Kiet Street, Ward 8, Tan Binh District, HCMC
- **NHÀ MÁY BIBICA BIÊN HOÀ - BIBICA BIEN HOA FACTORY**
Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, TP.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province.
- **CÔNG TY TNHH MTV BIBICA MIỀN ĐÔNG – EASTERN BIBICA ONE MEMBER CO., LTD**
Lô J1 - CN, đường D1, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
Lot J1-CN, D1 Street, My Phuoc Industrial Zone, My Phuoc Ward, Ben Cat Town, Binh Duong Province
- **NHÀ MÁY BIBICA HÀ NỘI – BIBICA HANOI FACTORY**
B18, đường Công Nghiệp 6, Khu Công Nghiệp Sài Đồng B, phường Sài Đồng, quận Long Biên, Hà Nội.
B18, Industry 6 Street, Sai Dong B Industrial Zone, Sai Dong Ward, Long Bien District, Hanoi City



- **Hệ thống phân phối – Distribution system**

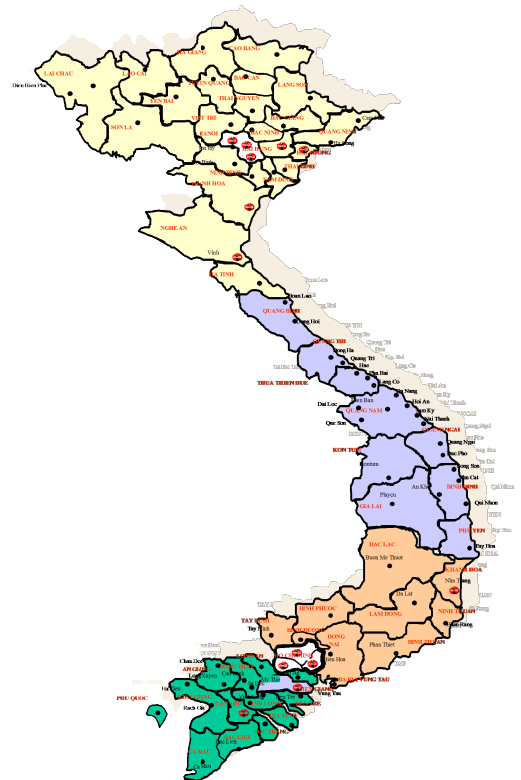
- **Nhà phân phối:** Tính đến tháng 12/2016, Công ty có **120** nhà phân phối độc quyền, có mặt ở tất cả các tỉnh, thành trên toàn quốc;
Distributors: Until December 2016, Company had 120 sole distributors in all national provinces and cities;

- **Điểm bán lẻ:** Được phục vụ trực tiếp bởi nhà phân phối là hơn **115.000** điểm;
Retail outlets: more than 115,000 shops are served directly by distributors;

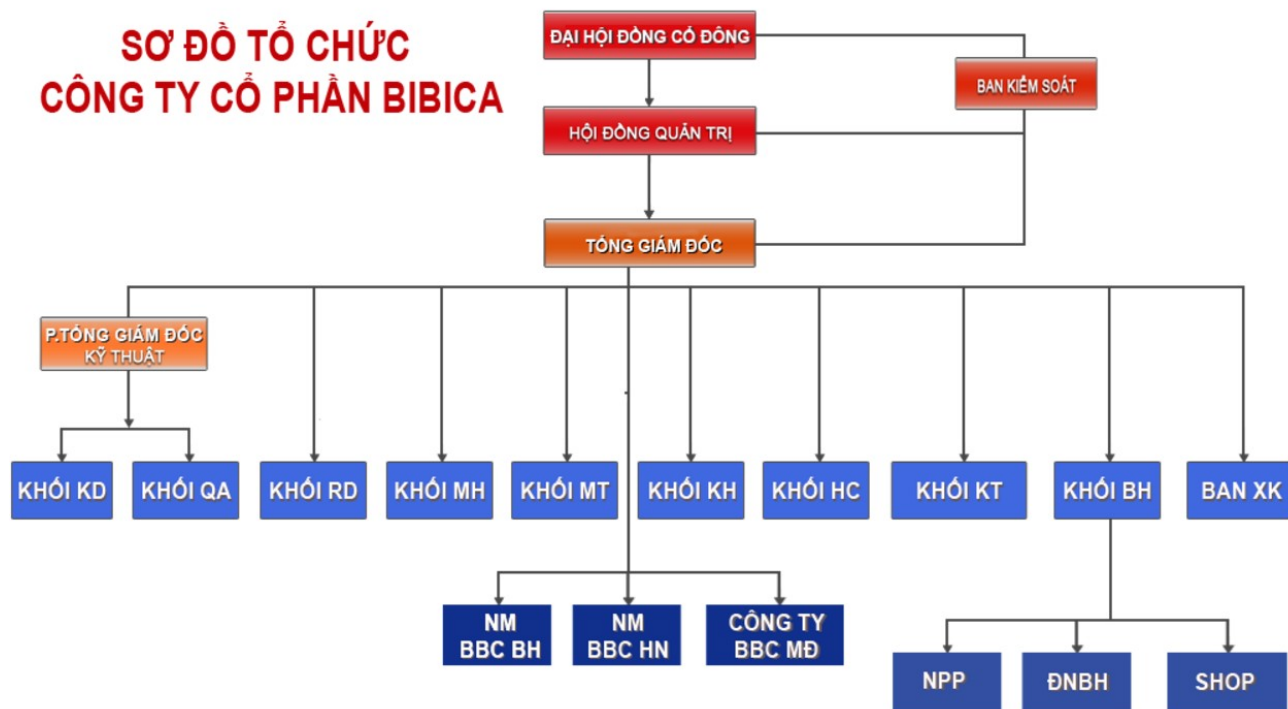
- **Siêu thị và Chuỗi cửa hàng tiện lợi:** Sản phẩm của Bibica có mặt ở hơn **500** siêu thị lớn nhỏ và cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc.

Supermarkets and Convenient Store chains: Bibica's products are available in more than 500 big and small supermarkets and convenient stores nationally.

- **Xuất khẩu:** Xuất khẩu đóng góp khoảng 7 % vào tổng doanh thu hợp nhất của Công ty. Tính đến cuối năm 2016, Bibica xuất khẩu đi hơn **15** quốc gia và vùng lãnh thổ.
Export: Export has contributed about 7% in total consolidated revenue of the company. Until the end of 2016, Bibica has exported to more than 15 countries and territories.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Information about management model, operations and organisation structure:



Giới Thiệu Hội đồng quản trị - Introduction about the Board of Director



Ông/ Mr: Jung Woo Lee

- Chủ tịch HĐQT – *BOD Chairman*
- Ngày sinh/ *DOB*: 17/12/1955
- Quốc tịch/ *Nationality*: Hàn Quốc - *Korean*
- Trình độ chuyên môn/ *Qualification*: Cử nhân ngành văn học anh ngữ Trường Đại Học Sogang – *Bachelor of English Literature at Sogang University*
- 1989 –2005 : Nhân viên phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd – *Employee at International Trading Department – Lotte Confectionery Co., Ltd*
- 2005 – 2009 : Phó Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd – *Vice Manager at International Trading Department – Lotte Confectionery Co., Ltd*
- 2009 – 2013 : Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế Cty Lotte Confectionery Co.,Ltd – *Director of International Trading Department – Lotte Confectionery Co., Ltd*
- 2008 – Nay/ *Now*: Chủ tịch HĐQT Công ty CP BIBICA.- *BOD Chairman of BIBICA Corporation*



Ông/ Mr: Trương Phú Chiến

- Phó chủ tịch HĐQT – *BOD Deputy Chairman*
- Ngày sinh/ *DOB*: 26/12/1964
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam - *Vietnamese*
- Trình độ chuyên môn/ *Qualification*: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp – *Bachelor of Industrial Economy*
- 1997 – 1999: Trưởng phòng XNK Công ty Đường Biên Hòa – *Manager of Export Department – Bien Hoa Sugar Company*
- 1999 - 2000: Trưởng phòng XNK Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa - *Manager of Export Department – Bien Hoa Confectionery Corporation*
- 2000 – 7/2003: Trưởng phòng Vật tư Công ty Cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa – *Manager of Supplies Department – Bien Hoa Confectionery Corporation*
- 7/2003 – 3/2008: CTHĐQT Công ty Cổ phần Bibica – *Chairman of the Board – Bibica Corporation*
- 3/2008 – đến nay/ *Now*: Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty Cổ Phần Bibica - *Chairman of the Board cum General Director – Bibica Corporation -*



Ông/ Mr: Nguyễn Khắc Hải

- Thành viên HĐQT – *BOD member*
- Ngày sinh/ *DOB*: 24/08/1978
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam - *Vietnamese*
- Trình độ chuyên môn/ *Qualification*: Cử nhân QTKD, Thạc sĩ Luật – *Bachelor of Economic, Master of Law*
- 2001 – 2004: Chuyên viên pháp lý cao cấp, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – *Senior Legal Expert – Bank for Foreign Trade of Vietnam*
- 2007 – 2010: Thành Viên Ban Dự Án thành lập Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn; Giám đốc luật và Quản lý rủi ro Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI – *Member of project to establish SSI Asset Management – Saigon Securities Inc*
- 2010 – nay/ *Now*: Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI – *Vice GD - SSI Asset Management*
- 2012 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương- *BOD member – Vietnam National Seed Join Stock Company*
- 2014 – nay/ *Now*: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông – *BOD member of Electronics Communications Technology Investment Development Joint Stock Company*
- 2015 – nay/ *Now*: Thành viên HĐQT Công ty CP BIBICA. – *BOD member – BIBICA Corporation*
- 2016 – nay/ *Now*: Tổng Giám Đốc The Pan Group. – *General Director of The PAN Group*



Ông/ Mr: Kim Jun Yeon

- Thành viên HĐQT – *BOD member*
- Ngày sinh/ *DOB*: 15/08/1967
- Quốc tịch/ *Nationality*: Hàn Quốc - *Korean*
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Sinh học phân tử Trường Đại học Busan – *Bachelor of Molecular biology – Busan University*
- 1994 – 2000: Quản lý phòng pháp chế Lotte Confectionery Co.,Ltd – *Manager of Legal Department – Lotte Confectionery Co., Ltd*
- 2000 – 2007: Quản lý phòng chiến lược nước ngoài Lotte Confectionery Co.,Ltd – *Manager of Foreign Startegy Department - Lotte Confectionery Co., Ltd*
- 2007 – 2012: Trợ lý quản lý R-TFT Lotte Confectionery Co.,Ltd tại Nga – *Assistant Manager of R-TFT Lotte Confectionery Co.,Ltd in Russia*
- 2012 – 2015: Trưởng phòng chiến lược toàn cầu Lotte Confectionery Co.,Ltd – *Manager of Global Stregy Department - Lotte Confectionery Co.,Ltd*
- 2016 – Nay/ *Now* : Phó Giám đốc phòng Kinh doanh toàn cầu Lotte Confectionery Co.,Ltd – *Vice Director of Global Business Department - Lotte Confectionery Co.,Ltd*
- 2016 – Nay/ *Now* : Thành viên HĐQT Công ty CP BIBICA. – *BOD member of BIBICA Corporation*



Ông/ Mr: Võ Ngọc Thành

- Thành viên HĐQT – *BOD member*
- Ngày sinh/ *DOB*: 02/11/1961
- Quốc tịch/ *Nationality*: Việt Nam - *Vietnamese*
- Trình độ chuyên môn/ *Qualification*: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Châu Á học và quản trị tiếp thị đại học Adamson, Manila, Philipines – *Chemical Engineer, Bachelor of Asian Studies and Marketing Administration – Adamson University, Manila, Philipines*
- 1985 – 1988: Phó Phòng Kế hoạch - Xí nghiệp vật tư – Công ty Bông Trung Ương – *Vice Manager of Planning Department – Suuplies Factory, Central Cotton Company*
- 1989 -1985: Trưởng văn phòng đại diện Công ty IMEX PAN PACIFIC – IPP tại Việt Nam – *Chief of Representative office of IMEX PAN PACIFICCompany – IPP in Vietnam*
- 1996 -2015: Chủ tịch HĐQT – TGD công ty Cổ phần đầu tư An Phong – Hệ thống Maximark – *Chairman of the Board cum General Director – An Phong Investment Corporaton – Maximark Chain.*
- 2016 đến nay/ *Now*: Chủ tịch HĐQT – Công ty thời trang M.Y.M. – *Chairman of the Board – M.Y.M Fashion Company.*

4. Định hướng phát triển: Công ty đã thống nhất các mục tiêu chủ yếu như sau

Development Strategies: Main targets goals are united as:

a. Mục tiêu–Main goals

- Đến năm 2021 trở thành Công ty bánh kẹo hàng đầu Việt Nam;

Become the leading confectionery manufacturer in Vietnam by 2021;

- Doanh số từ năm 2017 – 2021 tăng trưởng bình quân 20%/năm;

Average sale increases 20% per year from 2017 to 2021;

- Tập trung hệ thống phân phối vào các thành phố lớn: HCM, Hà Nội chiếm 30% doanh số Miền.

Focus on the distribution system in big cities: HCMC and Hanoi should occupy 30% of Area Sale



b. Chiến lược trung và dài hạn–Medium and long-term strategies

- Đầu tư mở rộng sản xuất tại Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông và Công ty TNHH Bibica miền Bắc;

Invest in operational expansion at Eastern Bibica One Member Co., Ltd and Northern Bibica Co., Ltd;

- Phát triển dòng bánh kẹo chất lượng cao và dòng sản phẩm dinh dưỡng sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên có lợi cho sức khỏe;

Develop high quality confectionery product lines and nutritious product lines which use natural source and healthy materials;

- Phát triển kênh bán hàng online cho Cửa hàng bán lẻ và Người tiêu dùng.

Develop online sale channel to Retail Outlet and Consumer.

c. Phát triển bền vững - Sustainable development

- Xây dựng chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích của Cổ đông, các đối tác, Công nhân viên và Người tiêu dùng. Đi kèm với việc đảm bảo một môi trường làm việc với độ thỏa mãn ở mức cao;

Build up the policies for sustainable development which guarantee for the interests of Shareholders, business partners, labours and consumers. Along with that is a working place with high satisfaction rate.

- Cam kết đảm bảo các khoản đóng góp đối với Chính phủ và Cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và các khoản đóng góp xã hội khác. Công ty luôn luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Commit on the contributions to Government and Community, such as: Tax, duties and other social contributions. Company always guarantees that the business development goes together with the environment protection's requirements.

5. Các rủi ro - Risks

a. Rủi ro chiến lược – Strategic risks

- Là các rủi ro được quản lý nhằm đảm bảo Công ty xây dựng được các chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp, xây dựng và phân bổ nguồn lực hợp lý và thích ứng kịp thời với những thay đổi trong môi trường kinh doanh;

Are the risks which are managed so that Company shall build up suitable strategies and business plans; build up and distribute the human resources reasonably; and timely adapt to business environment's changes;

- Trong năm 2016, Công ty mua dữ liệu đo lường thị trường bán lẻ để xem xét đầu tư và xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp.

In 2016, Company bought the retail market measurement data to consider for investment and building up the suitable business strategies.

b. Rủi ro hoạt động – Operational risks

- Là các rủi ro liên quan đến việc xảy ra các thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do việc thiếu các quy trình, con người, hệ thống hoạt động hiệu quả và/hoặc các sự kiện tác động từ bên ngoài, gây tác động đến việc thực thi các kế hoạch kinh doanh;

Are the risks which relates to the direct or indirect damages due to the lack of process, human resource, efficient operation system and/ or external effects which help to affect the implementation of business plans.

- Công ty triển khai đánh giá hệ thống chất lượng nội bộ tần suất 2 tháng/lần nhằm đảm bảo các hoạt động đang được tuân thủ các quy trình thủ tục đã biên soạn;

Company does the internal evaluation twice a month to ensure that the operational activities follow the written processes.

- Họp phân tích đánh giá định kỳ 1 tháng/lần cho các hoạt động trọng yếu.

Hold the evaluation meeting once a month for main activities.

c. Rủi ro tài chính – Financial risks

- Là rủi ro liên quan đến các thiệt hại, tổn thất về tài chính, khả năng thanh toán các khoản nợ, quản lý tài sản;

Are the risks which relates to financial damages, creditworthiness, asset management.

- Xem chi tiết tại mục III.2 tình hình tài chính.

Refer to III.2-Financial condition part for more details

d. Rủi ro tuân thủ - Compliant risks

- Là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định pháp luật và các cam kết, chế định khác;

Are the risks which relates to the law compliance and other commitments, regulations;

- Công ty có Bộ phận Pháp chế thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật và ký hợp đồng tư vấn luật để đảm bảo các hoạt động, các hợp đồng kinh tế luôn tuân thủ pháp luật.

Company has the Legal Department which updates the lawful regulations frequently; and signs the contract of law consultant to ensure that all the activities and economic contracts are under compliance with the law.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM – BUSINESS RESULT IN A YEAR

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh – General business result

a. Kết quả thực hiện chỉ tiêu doanh số lợi nhuận

Actual progress of sales, profits

Stt No.	Khoản mục Item	Doanh thu (Tỷ đồng) Sale (Billion VND)			So sánh Comperation	
		2015	Kế hoạch / Plan2016	Thực hiện/ Actual 2016	2015	Thực hiện/ Actual 2016
1	Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	1,171.78	1,250.80	1.263,43	107,8%	101,0%
2	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	105.51	82.15	97.01	91,9%	118,1%
3	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	85.81	65.12	81.28	94,7%	124,8%

b. Các hoạt động chính trong năm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

The core activities which affected the results of business operations

- Nghiên cứu cải tiến chất lượng bánh trung thu góp phần gia tăng doanh số lần đầu tiên cán mức 100 tỷ, vượt 3% kế hoạch;

Research and improve mooncake's quality to contribute to the sale increase. That sale reached more than 100 billion for the first time and also exceeded 3% of the plan;

- Cho ra đời dòng sản phẩm mới cao cấp Bánh Cookies rắc hạt với nhãn hiệu Goody gold phục vụ dịp tết nguyên đán 2017;

Launch new production line: Premium Cookies which seed by Goody Gold brand which was supplied in Lunar New Year 2017;

- Xin được Quota đường: 1.500 tấn, giá trung bình 578.6USD/MT, góp phần làm giảm giá thành trong sản xuất;

Receive sugar quota: 1,500 tons with average price of 578.6 USD/MT, contribute to decrease the production cost.

- Có giải pháp tồn trữ và đấu thầu cung ứng chất béo và sữa trong 9 tháng đầu 2016 với giá tốt, giảm được 2.6 tỷ so với cùng kỳ;

Have the storing plan and bid for fat and milk supply in the first 9 months of 2016 with good price which helps to decrease 2.6 billion in year over year.

- Tiếp tục hợp lý hóa tổ chức sản xuất Bánh Goody tăng 10% năng lực sản xuất và góp phần hạ giá thành sản xuất;

Continue to rationalise Goody Cookies production to increase 10% of production's ability and contribute to decrease production cost;

- Triển khai MFCA tại các Nhà máy góp phần giảm hao phí trong sản xuất từ trung bình năm 2015 là 1,69 % giảm trung bình còn 1,57%;

Launch MFCA in factories to reduce waste in production which was 1.69% in 2015 to 1.57% in 2016;

- Triển khai thành công giải pháp Shop key Bibica, tăng trưởng doanh số Shop key vượt 34% so cùng kỳ;

Successfully launch Bibica Shop key resolution, increased sales of Shop key to more than 34% year over year;

- Tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương gắn liền với kết quả công việc của cá nhân và hiệu quả công kinh doanh công ty.

Continue to improved wage policy together with personal work results and company business result.

The logo for Goody, featuring the word "Goody" in a blue, cursive script font.The logo for LacViet, featuring the word "LacViet" in a yellow, stylized font with a red outline.The logo for Warmly, featuring the word "Warmly" in a red, cursive script font.The logo for HAPPY, featuring the word "HAPPY" in a bold, red, sans-serif font.The logo for Cindy, featuring the word "Cindy" in a white, sans-serif font inside a red speech bubble shape with a blue shadow.

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organisation structure and human resources*

a. Ban điều hành/ *Board of Management*

STT No.	Họ và tên <i>Full name</i>	Năm sinh <i>Year of birth</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Kinh nghiệm công tác <i>Experience</i>
1.	Mr. Trương Phú Chiến	1964	Tổng Giám đốc Công ty <i>General Director</i>	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economy</i>	29 years
2.	Mr. Phan Văn Thiện	1965	Phó TGD Kỹ thuật <i>Deputy GD of Technical</i>	Kỹ sư Nhiệt <i>Heat Engineer</i> Cử nhân QTKD <i>Bachelor of Business Administration</i>	25 years
3.	Mr. You Jai Hyung	1977	Giám đốc Tài chính <i>Financial Director</i>	Cử nhân <i>Bachelor</i>	13 years
4.	Mr. Trần Đức Tuyển	1968	Giám đốc Khối KH&DV <i>Director of Planning & Service Department</i>	Cử nhân kinh tế <i>Bachelor of Economy</i>	20 years
5.	Mr. Nguyễn Công Thành	1975	Giám đốc Khối HCNS <i>Director of HR Department</i>	Cử nhân QTKD <i>Bachelor of Business Administration</i> Kỹ sư BHLĐ <i>Social Security Engineer</i>	17 years
6.	Mr. Trương Phú Cường	1977	Giám đốc Khối Bán hàng <i>Director of Sales Department</i>	Cử nhân QTKD <i>Bachelor of Business Administration</i>	16 years
7.	Mr. Nguyễn Trọng Kha	1972	Giám đốc Khối NCPT <i>Director of Research & Development Department</i>	Kỹ sư Hóa TP <i>Food Chemistry Engineer</i>	20 years
8.	Mr. Vũ Văn Thức	1978	Phó Giám đốc Khối TCKT <i>Vice Director of Finance – Accounting Department</i>	Cử nhân TCKT <i>Bachelor of Finance - Accounting</i>	16 years
9.	Mr. Lưu Anh Vũ	1987	Giám đốc Khối Mua hàng <i>Director of Buying Department</i>	Kỹ sư Hóa TP <i>Food Chemistry Engineer</i>	09 years
10.	Mr. Trương Văn Khương	1970	Giám đốc Khối QA	Cử nhân QTKD	22 years

STT No.	Họ và tên <i>Full name</i>	Năm sinh <i>Year of birth</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Kinh nghiệm công tác <i>Experience</i>
			<i>Director of QA Department</i>	<i>Bachelor of Business Administration</i>	
11.	Mr. Đạo Ngọc Huy	1972	Giám đốc Khối KTĐT <i>Director of Technical Investment Department</i>	Kỹ sư Điện CN <i>Industrial Electric Engineer</i>	21 years
12.	Mr. Nguyễn Văn Bình	1962	GĐ NM Bibica Biên Hòa <i>Director of Bibica Bien Hoa Factory</i>	Kỹ sư Cơ khí <i>Mechanical Engineer</i>	28 years
13.	Mr. Lê Xuân Dũng	1966	GĐ Cty Bibica Miền Đông <i>Director of Eastern Bibica Company</i>	Kỹ sư Cơ khí <i>Mechanical Engineer</i> Cử nhân QTKD <i>Bachelor of Business Administration</i>	22 years
14.	Mr. Vũ Văn Tuyên	1978	Giám đốc NM Bibica Hà Nội <i>Director of Bibica Hanoi Factory</i>	Kỹ sư Hóa TP <i>Food chemistry Engineer</i>	15 years

b. Tình hình thay đổi nhân sự trong ban điều hành

Changes in the Board of Management

- Nhân sự nghỉ việc – Resignation

- Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Phó Tổng Giám Đốc SX, nghỉ việc từ ngày 15/07/2016
Mr. Nguyen Quoc Hoang – Deputy General Director of Production, resigned on July 15th 2016
- Ông Lê Võ An – Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh, nghỉ việc từ ngày 19/09/2016
Mr. Le Vo An – Deputy General Director of Trading, resigned on September 19th 2016

- Nhân sự điều chuyển công tác – Transfer positions

- Ông Trần Ngọc Vũ Huy – Giám Đốc Khối QA được điều chuyển đảm nhận chức vụ Phó Giám Đốc Cty TNHH MTV Bibica Miền Đông, kể từ ngày 01/07/2016;
Mr. Tran Ngoc Vu Huy – Director of QA Department was transferred to be Vice Director of Eastern Bibica One Member Company on July 1st 2016
- Ông Trương Văn Khương – Phó Giám Đốc NM Bibica Biên Hòa được điều chuyển đảm nhận chức vụ Giám Đốc Khối QA, kể từ ngày 01/07/2016.
Mr. Truong Van Khuong – Vice Director of Bibica Bien Hoa was transferred to be Director of QA Department on July 1st 2016

- Bổ nhiệm nhân sự mới - New appointment

- Bổ nhiệm Ông Trương Phú Cường đảm nhận chức vụ Giám Đốc Khối Bán Hàng, kể từ ngày 01/07/2016.
Appoint Mr. Truong Phu Cuong to be Director of Sales department on July 1st 2016

- Số lượng lao động, thu nhập bình quân năm 2016 (bao gồm cả lực lượng bán hàng) -
Total labours, average income in 2016 (including sales team)

Các chỉ tiêu chính <i>Main targets</i>	Năm /Year 2012	Năm /Year 2013	Năm /Year 2014	Năm /Year 2015	Năm /Year 2016
Lao động bình quân năm <i>Average number of employees</i>	1,764	1,707	1,689	1,674	1,737
Quỹ lương, thưởng (tỷ đồng) <i>Salary, bonus Fund (billion VND)</i>	124.86	127.62	155.61	194.91	215.98
BQ thu nhập (người/tháng) <i>Average income (person/month)</i>	6,883,425	7,217,787	8,504,365	9,702,807	9,965,737
- Trong đó lương/ <i>In which:</i>	5,678,996	6,147,246	6,842,372	6,848,460	7,867,679
- Thưởng và các thu nhập khác <i>Bonus and other incomes</i>	1,204,429	1,124,541	1,661,272	2,854,347	2,098,058

- **Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc (Tính đến tháng 12/2016)**
Labour structure and nature of work (until December/ 2016)

Phân loại - Category	Số người - Quantity	Tỷ trọng (%)Proportion
Theo trình độ - By qualification	1,737	
Trên đại học - Postgraduates	2	0.1%
Đại học - Graduates	250	14.4%
Cao đẳng - College	92	5.3%
Trung cấp, CNKT lành nghề - Intermediate, Skilled College	537	30.9%
Lao động phổ thông – General labour	856	49.3%
Theo tính chất công việc – By nature of work	1,737	
Lao động trực tiếp sản xuất – Direct production	342	20%
Lao động gián tiếp, phục vụ sản xuất – Indirect, support for production	745	43%
Lao động lực lượng bán hàng toàn quốc – Sales team in whole country	650	37%

- **Chính sách lương, thưởng đối với người lao động - Policy of salary, bonus**

- Trong năm 2016: Công ty tiếp tục áp dụng chính sách lương gắn với hiệu quả công việc.
In 2016, company still applied salary and bonus policy associated with key performance indicator (KPI):
 - ✚ Đối với Quản trị viên (QTV) và nhân viên gián tiếp và phục vụ áp dụng trả lương theo hiệu quả công việc (KPI). Trong đó QTV KPI chiếm 40%, nhân viên KPI chiếm 20%. Các chỉ tiêu KPI gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty gồm 3 nhóm như sau: Nhóm chỉ tiêu KPI liên quan đến các chỉ tiêu chung của Công ty gồm Doanh số, lợi nhuận, giá vốn sản xuất; Nhóm chỉ tiêu KPI công việc liên quan đến công việc cụ thể của từng cá nhân; Nhóm KPI công việc do trưởng đơn vị giao trực tiếp;
Administrators (Admin), indirect and supportive employees: salary was paid based on KPI. In there, KPI of Admin occupied 40% and KPI of employees occupied 20%. KPI's targets associated with Company's performance, including 3 groups as: KPI group that associated with company's general targets, including: sales, profit and production cost; KPI group that associated with specific job of personel; KPI group that was assigned by Manager.
 - ✚ Đối với công nhân viên trực tiếp sản xuất từ cấp trưởng ca sản xuất trở xuống áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm. Lương sản phẩm sẽ được tính theo chuyên/phân xưởng trên cơ sở sản lượng sản xuất trong tháng và đơn giá sản phẩm công ty đã ban hành;
Direct employees up toforeman are applied wages policy based on products' unit price. Piece wages were calculated on production line/ production plant based on production quality in a month and enactment unit price.
 - ✚ Đối với nhân sự bốc xếp hàng hóa, vật tư tại các NM/Cty thành viên, áp dụng chính sách lương theo đơn giá bốc xếp. Lương bốc xếp tính trên cơ sở khối lượng bốc dỡ và đơn giá bốc xếp Công ty đã ban hành.
Stevadore for products, materials at Factory/ Memembr Corporation, salary policy was applied based on stevedore unit. Stevedoring wages was calculated based on enactment uploading volume and stevedored unit.
- Công ty đã ban hành chính sách tiền lương, tiền thưởng 2016 ngày 25/02/2016. Trong đó quy định chi tiết các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, nghỉ phép và các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Wages and bonus policies 2016 were enacted on February 25th 2016. That regulated detail all the policies about salary, bonus, annual leaves and other labour policies based on the current labour law.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án và nghị quyết- Investment activities, project and resolutions execution:

a. Các hạng mục đầu tư 2016 –Investments in 2016

- Đối với dự án đầu tư mới - New investment projects

- Dự án Nhà máy Bibica Miền Bắc triển khai chậm tiến độ kế hoạch so với tiến độ cam kết với Ban Quản Lý KCN Hưng yên nên phải làm lại thủ tục pháp lý: tách Giấy đăng ký doanh nghiệp khỏi Giấy chứng nhận đầu tư cũ, thanh lý dự án cũ và xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới để tiến hành triển khai dự án lại từ đầu. Đến nay Công ty đang xem xét hoàn tất Báo cáo Dự án khả thi cho dự án đầu tư giai đoạn 1 trình HĐQT xem xét thông qua trong năm 2017;

Northern Bibica Factory project was under late schedule to the commitment with Hung Yen Industrial Zone Management, so the legal formality has to re-process by: separates Business Registration Certificate from old Investment Registration Certificate, liquidates old project and applies for new Investment Registration Certificate to start the project from the beginning. Until now, company still considers to finish the potential project report of Investment Project – period 1 to submit BOD in 2017;

- Dự án kẹo mềm Hifat đã đến giai đoạn triển khai tiếp nhận thiết bị đưa vào mặt bằng lắp đặt. các thiết bị chính triển khai lắp đặt – chạy thử- nghiệm thu từ 20/3-10/5/2017. Sản xuất tung sản phẩm ra thị trường 10-15/5/2017. Tiến độ trễ một phần một số hạng mục xây dựng-ME bị trễ tiến độ do thời gian hoàn thiện nhà xưởng trùng dịp nghỉ tết nguyên đán.

Hi-fat soft candy project is on progress that equipment is put into platform, core equipment is installed - tested running – accepted from March 20th to May 10th 2017. It is expected to produce and launch new products from May 10th -15th 2017. The process was late because some of construction items – ME was during Lunar New Year break time.

- Đối với đầu tư thiết bị lẻ - Seperated goods investment

- Đầu tư máy định hình bánh trung thu Reohn và nâng cấp nhà xưởng nhằm tăng công suất định hình, giảm tỉ lệ phế phẩm và đảm bảo an toàn sản xuất trung thu 2016 của Nhà Máy Bibica Biên Hòa;

Invest in the Reohn mooncake shaping machine and improve production plant in order to increase shaping capacity, decrease obsolete products and gurantee for mooncake production safety 2016 of Bibica Bien Hoa;

- Đầu tư máy in phun cho PX bánh 1 thay thế máy cũ nâng cao chất lượng in date sản phẩm sản xuất ở Nhà Máy Bibica Biên Hoà;

Invest in an ink jet printer to Cake Production Plant 1 to replace for old machine to increase the quality of product shelf life printing in Bibica Bien Hoa Factory.

- Đầu tư máy dán nhãn – dán seal-in date để hợp lý hóa khâu hoàn tất đóng hủ kẹo thủ công của PX kẹo 1 của Nhà Máy Bibica Biên Hòa;

Invest in a labelling machine to label in date-seal to rationalise the finish part of manual candy packaging in Candy Production Plant 1 – Bibica Bien Hoa Factory;

- Đầu tư thiết bị trộn hương màu nhằm đa dạng hóa lớp phủ socola cho bánh Orenko trên dây chuyền Pie Công ty MTV Bibica Miền Đông;
Invest in a flavour-colour mixing equipment to diversify the chocolate coating for Orenko pie on the Pie Production line – Eastern Bibica One Member Company;
 - Đầu tư băng tải nhằm hợp lý hóa khâu đóng hộp thủ công Orenko hai hương theo cơ cấu không đóng trên máy tự động;
Invest in a conveyors to rationalise the manual packaging part of Orenko 2 flavours which are not packed on automatic machine;
 - Đầu tư máy dán thùng-in thùng-cân kiểm hợp lý hóa khâu hoàn tất dây chuyền bánh Biscuit – Nhà Máy Bibica Hà Nội.
Invest in a gluing machine – carton printing machine – tested weight to rationalise Biscuit production line – Bibica Hanoi Factory.
- **Bảng tổng hợp giá trị quyết toán đầu tư năm 2016- *Balance sheet of investment value 2016***

STT No	HẠNG MỤC Item	Địa điểm đầu tư Investment place	Kế hoạch năm 2016 Plan 2016	Thực hiện thực tế 2016 Actual 2016
Hạng mục kế hoạch 2015 chuyển sang <i>Item is transferred from 2015</i>			12,781,497,929	12,781,497,929
1	Dự án kẹo mềm Hifat <i>Hi-fat soft candy project</i>	NMBH	12,781,497,929	12,781,497,929
Hạng mục đầu tư thiết bị lẻ 2016 <i>Investments for separated equipment s2016</i>			9,114,200,000	5,463,844,500
1	NM BIBICA BIÊN HÒA <i>Bibica Bien Hoa Factory</i>		8,461,700,000	4,896,772,500
2	NM BIBICA MIỀN ĐÔNG <i>Eastern Bibica Factory</i>		587,500,000	464,856,000
3	NM BIBICA HÀ NỘI <i>Bibica Hanoi Factory</i>		65,000,000	102,216,000
Tổng cộng - Total			21,895,697,929	18,245,342,429

b. Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 – *Performing Resolutions of Annual General Meeting 2016:*

Theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2016, HĐQT đã triển khai thực hiện:
According to Resolution of Annual General Meeting 2016, BOD has performed:

- Điều 01: Thông qua báo cáo HĐQT & TGD năm 2015;
Article 01: Approval of report of BOD& General Director 2015;
- Điều 02: Thông qua báo tài chính năm 2015 (Đã kiểm toán);
Article 02: Approval of Financial Statement 2015 (audited);
- Điều 03: Thực hiện Phân phối lợi nhuận năm 2015 theo đúng nội dung NQ ĐHĐCD TN năm 2015;

Article 03: Profit distribution 2015, based on the contents of the Resolution on Annual General Meeting 2015;

- **Điều 04:** Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016: kết quả thực hiện tại Khoản 02 Mục II. Phân phối một phần lợi nhuận năm 2016: sẽ trình tại ĐHĐCĐ TN năm 2017;

Article 04: Operating plans of 2016: refer Clause 02 Part II for operating results. Distributing a part of profit 2016: will present on Annual General Meeting 2017;

- **Điều 05:** Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2016: kết quả thực hiện tại Điểm a Khoản 04 Mục II;

Article 5: Performance of investmental plan 2016: refer to Point a Clause 04 Part II for operating results;

- **Điều 06:** Thực hiện bầu thay thế thành viên HĐQT: Bầu Ông Nguyễn Khắc Hải thay thế Ông Nguyễn Ngọc Hòa và Bầu Ông Kim Jun Yeon thay thế Ông Jeong Hoon Cho;

Article 6: Voting for BOD member replacement: voted for Mr. Nguyen Khac Hai to replace for Mr. Nguyen Ngoc Hoa and voted for Mr. Kim Jun Yeon to replace for Mr. Jeong Hoon Cho;

- **Điều 07:** Thực hiện tạm hoãn sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;

Article 07: Suspension for changing and adding-on Company's Regulations;

- **Điều 08:** Chọn công ty kiểm toán TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM, là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Bibica;

Article 08: Chose Ernst & Young Vietnam Audit Company to be the independent audit agency for financial statement 2016 of Bibica Corporation;

- **Điều 08:** Thực hiện chi thù lao Hội đồng quản trị theo mức 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2015;

Article 08: Payment of BOD's remuneration with 1.5% of profit after tax of year 2015;

- **Điều 09:** Thực hiện chi Thù lao Ban kiểm soát theo mức 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng/tháng/03 thành viên;

Article 09: Payment the Supervisory Board's remuneration at rate 21,000,000 (Twenty one million VND)/month/ 3 members;

- **Điều 10:** Thực hiện Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành với tổng số tiền là 1.934.084.000 (Một tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn) đồng.

Article 10: Payment of the bonus to BOD, the Supervisory Board and Board of Management at rate 1,934,084,000 (One billion nine hundreds thirty four million and eighty-four thousands) VND

4. Tình hình tài chính - Financial situation:

Chỉ tiêu - Item	Năm/ Year 2015	Năm/ Year 2016	% tăng giảm +/- %
Tổng giá trị tài sản <i>Total assets</i>	1,006,902,351,465	1,041,148,060,916	3.40%
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	1,171,783,252,555	1,263,432,638,244	7.82%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	106,382,829,864	104,703,583,659	-1.58%

<i>Profit from operating activities</i>			
Lợi nhuận khác <i>Other profits</i>	(864,165,686)	(7,685,727,242)	-789.38%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	105,518,664,178	97,017,856,417	-8.06%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	85,815,325,312	81,281,272,751	-5.28%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>Basic earnings per share</i>	5,287	4,865	-7.98%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu– *Main financial targets*

Stt No	Chỉ tiêu - <i>Target</i>	DVT Unit	Năm 2015	Năm 2016
I	<u>Khả năng sinh lời</u> <u>Target on Profitability</u>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh số thuần <i>Net revenue ratio</i>	%	7.32%	6.43%
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần <i>Share capital revenue ratio</i>	%	55.65%	52.71%
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản <i>Total assets ratio</i>	%	8.52%	7.81%
II	<u>Khả năng thanh toán</u> <u>Solvency Ratio</u>			
	Khả năng thanh toán hiện hành <i>Current solvency ratio</i>	Lần <i>Time</i>	2.56	2.95
	Khả năng thanh toán nhanh <i>Quick solvency ratio</i>	Lần - <i>Time</i>	2.25	2.55
III	<u>Hiệu quả hoạt động</u> <u>Operation capability</u>			
	Kỳ thu tiền bình quân <i>Receivable period</i>	Ngày - <i>Day</i>	23.25	26.19
	Vòng quay khoản phải thu <i>Receivable turnover</i>	Lần - <i>Time</i>	5.75	12.96
	Vòng quay hàng tồn kho <i>Inventory turnover</i>	Lần - <i>Time</i>	9.16	8.11
	Vòng quay tài sản cố định <i>Total fixable assets turnover</i>	Lần - <i>Time</i>	4.88	6.12
	Vòng quay tổng tài sản <i>Total assets turnover</i>	Lần - <i>Time</i>	1.16	1.21
IV	<u>Cơ cấu vốn- Capital structure</u>			
	Hệ số nợ trên tổng tài sản <i>Total liabilities/ Total assets</i>	%	29.92%	27.69%
	Hệ số nợ trên vốn cổ phần <i>Total liabilities/ Charter capital</i>	%	195.39%	186.95%
	Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu <i>Long term liabilities/ Owner's equity</i>	%	2.74%	2.75%
V	<u>Chứng khoán - Stocks</u>			

Stt No	Chỉ tiêu - Target	ĐVT Unit	Năm 2015	Năm 2016
1	Cổ phiếu đang lưu hành <i>Outstanding shares</i>	CP - Share	15,420,782	15,420,782
	Trong đó - <i>In which:</i>			
	- Cổ phiếu thường – <i>Ordinary shares</i>	CP - Share	15,420,782	15,420,782
2	Trái phiếu đang lưu hành <i>Outstanding bonds</i>	TP - Bond		
	Trong đó – <i>In which:</i>			
	- Trái phiếu chuyển đổi <i>Convertible bonds</i>	TP - Bond		
	- Trái phiếu không chuyển đổi <i>Inconvertible bonds</i>	TP - Bond		
3	Thư giá (<i>BPS : Book Value Per Share</i>)	Đồng - VND	29,631	29,631
4	Thị giá (<i>MPS : Market Price Per Share</i>)	Đồng - VND	55,500	93,300
5	Lợi nhuận trên vốn cổ phần (<i>ROE</i>)	%	12.16	10.80
6	Thu nhập trên cổ phần (<i>EPS: Earning Per Share</i>)	Đồng - VND	5,287	4,865
7	Chỉ số P/E – <i>P/E ratio</i>		10.50	19.18
8	Cổ tức được chia (<i>DPS : Divident Per Share</i>)		12%	Tạm ứng đợt 1 – <i>Advance for batch 1 - 6%</i>
VI	Những thay đổi về vốn cổ đông <i>Change in shareholders' equity</i>			
1	Vốn điều lệ - <i>Charter capital</i>	Đồng - VND		
	- Đầu năm – <i>Beginning</i>	Đồng - VND	154,207,820,000	154,207,820,000
	- Cuối năm - <i>Ending</i>	Đồng - VND	154,207,820,000	154,207,820,000
2	Vốn thặng dư - <i>Capital surplus</i>	Đồng - VND		
	- Đầu năm - <i>Beginning</i>	Đồng - VND	302,726,583,351	302,726,583,351
	- Cuối năm - <i>Ending</i>	Đồng - VND	302,726,583,351	302,726,583,351

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu- *Shareholders structure, change in the owner's equity*

a. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT năm 2016: tính đến ngày 31/12/2016

Ownership proportion and changes in ownership proportion of BOD member in 2016: until December 31st 2016

Stt No	Họ và tên <i>Full name</i>	24/3/12	16/1/13	16/12/13	31/12/14	31/12/2015	31/12/2016
1	Jung Woo Lee	0	0	0	0	0	0
2	Trương Phú Chiến	114,075	118,075	118,075	118,075	118,075	118,075
3	Võ Ngọc Thành	289,000	302,500	302,500	302,500	302,500	302,500
4	Jeong Hoon Cho	0	0	0	0	0	0
5	Kim Jun Yeon	0	0	0	0	0	0
6	Nguyễn Khắc Hải	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	403,075	420,575	420,575	420,575	420,575	420,575

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/08/2016
Shareholder structure: List of shareholders until August 26th 2016

Tổng số CP <i>Total shares</i>	Cá nhân <i>Individual</i>		Tổ chức <i>Institutional</i>		Tổng Số lượng <i>Total volume</i>		Tổng số CP <i>Total shares</i>	Tỷ lệ <i>Ratio (%)</i>
	Chưa lưu ký <i>Non-depository</i>	Đã lưu ký <i>Depository</i>	Chưa lưu ký <i>Non-depository</i>	Đã lưu ký <i>Depository</i>	Chưa lưu ký <i>Non-depository</i>	Đã lưu ký <i>Depository</i>		
Trong nước <i>Domestic</i>	21,962	1,320,979	0	6,533,109	21,962	7,854,088	7,876,050	51.07
Nước ngoài <i>Foreign</i>	0	375,441	4,650,000	2,519,291	4,650,000	2,894,732	7,544,732	48.93
Cộng <i>Total</i>							15,420,782	100.00

c. Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Danh sách cổ đông chốt ngày 26/08/2016:
Situation of transactions related to major shareholders: List of shareholders until August 26th 2016

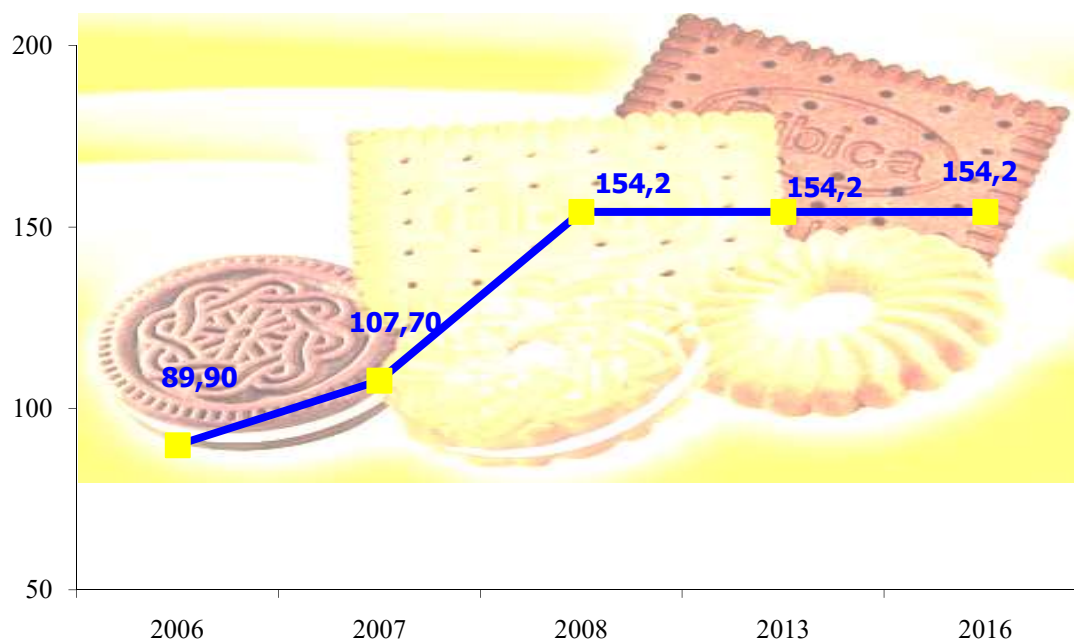
Stt <i>No</i>	Họ và tên <i>Full name</i>	Số lượng cổ đông nắm giữ <i>Owning q'ty</i>	Tỷ lệ <i>Rate</i>	Cập nhật đến ngày <i>Updated until</i>
1	CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM PAN <i>PAN FOOD JOINT STOCK COMPANY</i>	6,742,930	43.73	27/10/2016
2	LOTTE CONFECTIONERY CO., LTD.	6,789,730	44.03	26/08/2016
3	Võ Ngọc Thành	302,500	1.96	26/08/2016
4	POLUNIN DISCOVERY FUNDS-FRONTIER MARKETS FUND	224,620	1.46	26/08/2016
5	Hoàng Thu Hương	183,540	1.19	26/08/2016
6	Kim Heung Soo	181,322	1.18	26/08/2016
7	Trương Phú Chiến	118,075	0.77	26/08/2016
8	Nguyễn Hữu Tùng	96,770	0.63	26/08/2016
9	AFC VF LIMITED	82,880	0.54	26/08/2016
	Cộng - Total	14,722,367		

Tổng số cổ phần phổ thông – Total common shares: 15,420,782 cổ phần/ shares.

d. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu – *Change in the owner's equity*

Từ 2008 đến nay không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tỷ đồng)

There was any change on charter capital since 2008 until now (Billion VND)



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Report on environmental and communitive effects

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về ngành Bánh Kẹo. Bibica nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Bibica thấu hiểu sự thành công của một doanh nghiệp sẽ không chỉ đơn giản là những con số về doanh thu, lợi nhuận mà còn là những giá trị vượt trội và lâu dài mà Bibica xây dựng và mang đến cho mọi người.

Being one of the leaders in the confectionery industry in Vietnam,

Bibica awares its effect on the community and the sustainable development of society. Bibica understands that the success of a business is based not only on sales or profit but also on the outstanding and long term value which are built up and brought to everyone.

Định hướng phát triển bền vững của Bibica tập trung vào các nội dung sau:

Orientations for sustainable development of Bibica focus on these contents:

a. Trách nhiệm với sản phẩm – người tiêu dùng - *Responsible for products - consumers*



Sản xuất và cung cấp cho thị trường những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng, giá cả hợp lý và an toàn vệ sinh thực phẩm với hệ thống quản lý ISO 22000. Kết hợp với viện dinh dưỡng quốc gia cho ra thị trường những dòng sản phẩm cho người ăn kiêng, người bị tiểu đường. Không ngừng đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất bánh kẹo mới nhất bằng các dự án kẹo mềm Hi-fat, dự án bánh Cracker, Bánh mì tươi nhằm cung cấp cho thị trường những sản phẩm chất lượng;

Produce and provide nutritious, reasonable price and food hygiene safety products which are followed ISO 22000 Management System. Corporating with State Nutritious Institute, Bibica launches products for diet and diabetic. Continue to invest and develop the newest confectionery technology by Hi-fat candy project, Cracker project and fresh bun project, in order to provide high quality products to the market.

b. Trách nhiệm với người lao động - Responsible for employees

Đối với công nhân viên, Công ty luôn đảm bảo các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Các giá trị công thêm luôn được Công ty quan tâm nâng cấp hàng năm như: chế độ nghỉ mát, tổ chức sinh nhật Công ty và cho toàn bộ CNV. Ngoài ra điều kiện làm việc luôn được nâng cấp, hàng năm thông qua việc nâng cấp cơ sở hạ tầng. Với cấp quản lý Bibica đã tổ chức các khóa đào tạo về quản lý, đào tạo về giảm lãng phí trong sản xuất đã đem lại những kết quả rất lớn cho công ty và kinh nghiệm quý báu cho bản thân.

To employees, Company always guarantees the policies about salary, rewards, social securities, health securities and unemployment securities. The adding values are also concerned to upgrade yearly such as: vacation, Company's birthday and the entire of employees. Moreover, working conditions are also developed yearly by the development of infrastructure. About the management positions, Bibica holds the training courses about management, reducing waste in production and those brought good results for both company and personal experiences.

c. Môi trường và năng lượng - Environment and energy

Tại Bibica tất cả các nguồn thải đều được kiểm soát và tuân thủ quy định của nhà nước. Các nhà máy đều có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn. Kiểm soát khí thải định kỳ. Chất thải rắn được xử lý qua công ty dịch vụ môi trường. Đặc biệt trong năm 2016, Công ty đã tiến hành thay thế toàn bộ bóng đèn compact bằng bóng đèn



led tiết kiệm điện. Các dự án mới triển khai công ty ưu tiên chọn những công nghệ phát sinh ít chất thải, sử dụng năng lượng hiệu quả.

In Bibica, all the wastes are controlled and compliant with Government Law. All factories have the qualified waste water treatment system. Air waste is controlled periodic. Hard wastes are solved by environmental service company. Especially, in 2016, Company changed all compact lights by saved energy LED lights. With new projects, company priority to choses the technologies which cause less waste and use energy effectively.

d. Trách nhiệm với xã hội - *Responsible for society*

Tại Bibica văn hóa tương thân tương ái, hỗ trợ đồng nghiệp luôn được Ban Lãnh Đạo khuyến khích tạo điều kiện. Các trương trình xã hội Bibica tham gia bao gồm: hiến máu nhân đạo, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng trường học cho vùng sâu vùng xa. Tặng quà cho các tổ chức, cá nhân trong dịp trung thu, tết. chương trình tiếp sức đến trường (tặng sách, xe đạp, bánh kẹo).



In Bibica, the friendly and caring cultures among colleagues are encouraged. Bibica has joined many social events such as blood donation, taking care of Vietnamese Heroic Mothers, building up schools in remoted areas; giving gifts to organisations and personels on Mid-autumn festival, Lunar New Year. There is also Relay to school” campaign (give books, bicycles, confectionery products).



III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC- *REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT*

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – *Operating result*

- a. Năm 2016, tình hình kinh tế chịu ảnh hưởng nặng của thiên tai, hạn hán, nhiễm mặn và tác động của môi trường dẫn đến sản xuất nông nghiệp và khai thác hải sản chậm tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế cả nước chỉ đạt 6,3%, thấp hơn năm 2015;

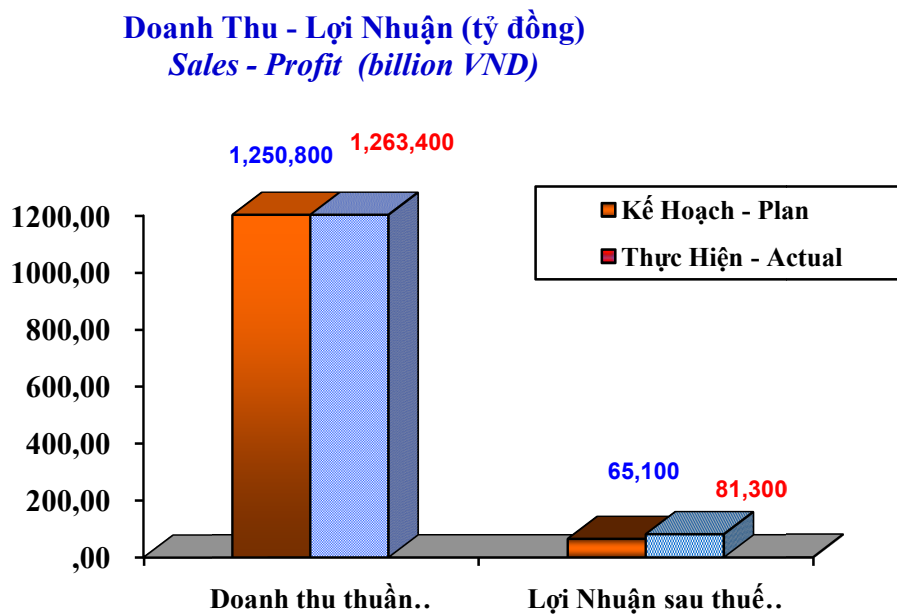
In 2016, economic situation was affected strongly by disaster, drought, salinization and effects of environment. It leded to the slow growth of agriculture production and seafood exploitation. Economic growth rate of the whole country was only 6.3% which was lower than 2015.

- b. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của toàn thể công nhân viên, cộng với chiến lược kinh doanh phù hợp, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch đã được thông qua tại ĐHCĐ TN 2016. Cụ thể: Doanh số đạt 1263,43 tỷ vượt 7,8% so cùng kỳ và vượt 1% so kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 81,28 tỷ, vượt 24,8% với kế hoạch:

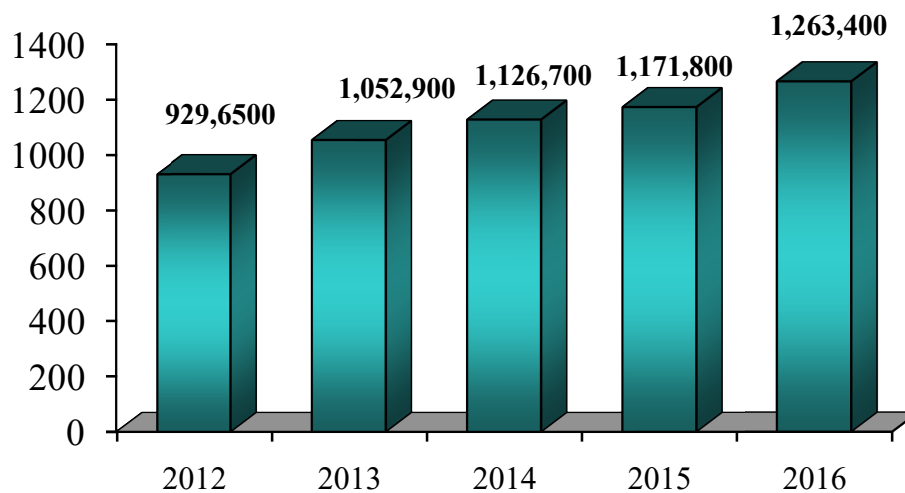
However, with the effort of the entire employees and the suitable strategies, operating results of company exceeded the plan which was set on Annual General Meeting 2016. Specifically: sales were 1,263.43 billion (exceeded 7.8% year over year and exceeded 1% vs. plan). IProfit after tax was 81.28 billion and exceeded 24.8% vs. plan.

CHỈ TIÊU - TARGETS	Kế hoạch năm/ Plan 2016	Thực hiện năm Actual 2016	%Tăng/ giảm +/- %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	1,257,300,000,000	1,271,249,285,355	1.11%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu <i>Deductions</i>	6,500,000,000	7,816,647,111	20.26%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	1,250,800,000,000	1,263,432,638,244	1.01%
4. Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	822,170,895,248	818,052,516,238	-0.50%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	428,629,104,752	445,380,122,006	3.91%
6. Doanh thu hoạt động tài chính <i>Income from financial activities</i>	11,323,080,000	18,236,228,681	61.05%
7. Chi phí tài chính <i>Expenses from financial activities</i>	240,000,000	711,421,616	196.43%
- Trong đó: Chi phí lãi vay - In which: interest expenses			
8. Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	286,700,000,000	285,308,631,412	-0.49%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General and admin expenses</i>	71,052,042,371	72,892,714,000	2.59%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operating profit</i>	81,960,142,380	104,703,583,659	27.75%
11. Thu nhập khác <i>Other income</i>	2,500,000,000	1,761,881,615	-29.52%
12. Chi phí khác <i>Other expenses</i>	2,310,000,000	9,447,608,857	308.99%
13. Lợi nhuận khác <i>Other profit</i>	190,000,000	(7,685,727,242)	4,145.12%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Profit before tax</i>	82,150,142,380	97,017,856,417	18.10%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành <i>Current Enterprise Income Tax Expense</i>	16,840,779,188	16,004,388,659	-4.97%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại <i>Deferred Income Tax credit</i>		(267,804,993)	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Net profit after tax</i>	65,309,363,192	81,281,272,751	24.46%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>Basic earning per share</i>	4,163	4,865	16.86%

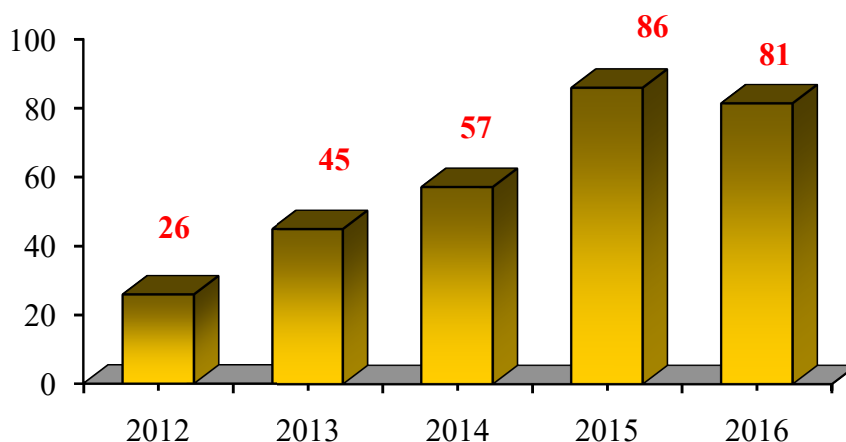
Biểu đồ thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận
Performance chart of sales and profit target



Biểu đồ doanh thu các năm (tỷ đồng)
Sales over years (billion VND)



Biểu Đồ Lợi Nhuận sau thuế (tỷ đồng)
Profit after tax (billion VND)



2. Tình hình tài chính – *Financial situation*

a. Nợ phải trả tài chính – *Financial account payables*

Công ty có chịu ảnh hưởng rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro tài chính tại Công ty là không đáng kể.
Company is affected by financial risks including market risk, credit risk and liquidity risk. However, the effectual rate of financial risk is not trivial to Company.

b. Rủi ro lãi suất – *Interest risk*

- Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị;
Market risk due to changes in interest of Company is mainly related to money and short term deposit accounts. Those are short term investments and are not held by Company, in order to get advantage from the increase of value.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.
Company manages the interest risk by evaluating the competitive condition in market in order to get the profitable interest but still in the limitation of risk management.

c. Rủi ro ngoại tệ - *Foreign currency risk*

- Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty;
Company suffers the risk due to the changes in exchange rate which is related directly to the operations.
- Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể, vì Công ty có nguồn ngoại tệ thu được từ hoạt động xuất khẩu.

Company does not evaluate the sensitiveness of foreign currency risk because this kind of risk is trivial because Company has the foreign source which is collected from export activities.

d. Rủi ro về giá cổ phiếu – Share price risk

Các cổ phiếu đã niêm yết Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

The listed shares which are hold Company are affected by the market risk, arises from the uncertainty of shares' future price. Company manages the risk of shares' price by setting up the invested limitation.

e. Rủi ro về giá hàng hóa - Goods price risk

- Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý;

Company has risk of goods' price because has to by some certain kinds of goods. Company manages risk of goods' price by watching for related information and situations of goods' market to choose the buying time, business plan and keeping a reasonable inventory.

- Công ty có lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu chính, có giá thường xuyên biến động để giảm thiểu tối đa mức độ ảnh hưởng của biến động giá.

Company sets up the plan to store main ingredients, ingredients which price is fluctuated to minimise the effect of price changes.

f. Rủi ro tín dụng – Credit risk

Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

Company has credit risk from operational activities (mainly from account receivables) and financial operation (mainly from bank deposit account).

g. Tiền gửi ngân hàng – Bank deposit

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam: Ngân hàng Đầu tư & Phát triển, Ngân hàng TMCP Ngoại thương. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Company maintains a big amount of deposit at big and reputation banks in Vietnam: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam. Company recognises the risk of credit with bank deposit is low.

h. Phải thu khách hàng – Account receivables

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng hàng năm. Công ty cấp hạn mức công nợ cho khách hàng dựa trên giá trị tiền ký quỹ của Khách hàng tại Công ty và Giá trị Bảo lãnh thanh toán mà Công ty là người thụ hưởng.

Company always watches for the accounts receivable. With big customers, company considers the decrease in credit reputation of each customer yearly. Company provided grant limits to customers based on their deposit in Company and the value of payment guarantee that Company is the receiver.

i. Rủi ro thanh khoản – Payment risk

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản phải trả đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các nhà cung cấp hiện tại.

Company has enough ability to approach the capitals and accounts payables within 12 months and shall renew to the current suppliers.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Improvements on organisational structure, policie and management system

- a. Tinh gọn bộ phận gián tiếp thông qua giải pháp QA, Kế toán tập trung tại Văn phòng Công ty;
Simplify the indirect departments through QA and accounting concentrated solutions at Company Office;
- b. Tiếp tục triển khai công cụ quản lý trong sản xuất: 5S, Lean production, MFCA góp phần giảm chi phí trong sản xuất;
Continue to launch management tool in production such as 5S, Lean Production, MFCA to minimise production cost;
- c. Triển khai thành công giải pháp Shop key tạo được sự gắn kết với Công ty và góp phần gia tăng doanh số trong năm 2016;
Successfully lunch Shop key solution to create the connection with Company and contribute the increase in sales 2016;
- d. Định hướng các giải pháp cho dòng sản phẩm trọng tâm Kẹo, Hura;
Orient the solution for core product lines: Candy, Hura;
- e. Đề ra được chính sách kinh doanh phù hợp góp phần gia tăng doanh số nhóm sản phẩm mùa vụ trung thu, tết. Vượt kế hoạch đề ra.
Provide reasonable business policies which contributed to the increase in sales of seasonal products such as Mid-autumn, Tet; exceeded the plan.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai– Future development plan

- a. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2017 ổn định ở mức 6.1%.
Vietnam economic's growth is forecasted to be stable at 6.1% in 2017.
- b. Thị trường bánh kẹo cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn:
Confectionery market competes harder:
 - Tốc độ tăng trưởng bánh kẹo 8.5~9% (CAGR Năm 2014~2020);
Growth rate of confectionery is 8.5 ~ 9% (CAGR in 2014~2020);
 - Chuyển đổi sang cạnh tranh toàn cầu, bỏ thuế nhập khẩu các nước Asian do hiệp định FTA;
Transfer to global competition, remove imported tax of Asia due to FTA Agreement;
 - Thị trường MT phát triển mạnh do nhiều Công ty tham gia thị trường.
MT market develops strongly due to the participation of many companies
- c. NTD quan tâm đến an toàn thực phẩm hơn sau những sự kiện Formosa, chất hóa học trong thực phẩm, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;
Consumers care more about food safety after the event of Formosa, chemical poison in foods, plant protection chemicals;
- d. Giá xăng dầu, chất béo, đường dự báo sẽ tăng trở lại làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất;
Price of oil, fat and sugar are forecasted to rise again and affect the production cost;
- e. Công ty dự kiến đưa dây chuyền sản xuất kẹo Hi-fat vào tháng 05/2017;
Company expects to launch Hi-fat candy production line in May/ 2017;

f. Với các yếu tố trên, kế hoạch của Công ty cho năm 2017 như sau:

With the above categories, Company's plan for 2017 is as:

- **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản – Basic financial items**

Đvt: triệu đồng – Unit: million VND

CHỈ TIÊU - ITEM	Thực hiện năm 2016 <i>Actual 2016</i>	Kế hoạch năm 2017 <i>Plan 2017</i>	% tăng trưởng <i>% growth</i>
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net revenue from sales of goods and rendering of services</i>	1,263,433	1,400,000	9.8%
2. Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	818,053	918,400	10.9%
3. Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	285,309	311,200	8.3%
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General and administration expenses</i>	72,893	80,100	9.0%
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Profit before tax</i>	97,018	104,300	7.0%
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Profit after tax</i>	81,281	86,600	6.5%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>Basic earnings per share</i>	4,865	5,183	4.1%

- **Kế hoạch đầu tư 2017 – Investment plan 2017**

Stt No	Hạng mục Item	Giá trị - Value (triệu đồng – million VND)	Ghi chú - Note
I	Dự án cũ chuyển sang năm 2017 <i>Old plan which is transferred to 2017</i>	64,163.4	
1	Dự án kẹo mềm Hifat NMBH <i>Hi-fat Soft candy project – Bien Hoa Factory</i>	64,163.4	Dự án vào hoạt động 15/5/2017: Công suất 6000 tấn sản phẩm/năm. <i>Project is launched May 15th 2017 with the capacity is 6,000 tons of product/ year.</i>
II	Dự án mới năm 2017 <i>New plans 2017</i>	144,565.90	
1	Dự án dây chuyền bánh cracker NMMĐ <i>Project of cracker</i>	126,361.65	Đầu tư sản phẩm mới cracker 20 tấn / ngày, mở rộng năng lực sản xuất của NMMĐ, gia tăng doanh số Công ty, dự kiến hoàn tất đưa dự án

	<i>production line– Eastern factory</i>		vào hoạt động 30/1/2018. <i>Investing new cracker product with capacity is 20 tons/ day, increase the production ability of Eastern Bibica, increase Company’ sales. It is expected to launch this project on January 30th 2018.</i>
2	Dự án nâng cấp dc bánh mì NMHN <i>Project of upgrading bun production line – Hanoi Factory</i>	7,196.15	Nâng cấp chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm mới trên dây chuyền bánh mì Nhà máy Hà Nội. Dự án dự kiến đưavào hoạt động tháng 5/2017 <i>Improving quality and diversifying new products on bun production line in Hanoi Factory. It is expected to launch this project in May/2017.</i>
3	Dự án nâng cấp dây chuyền bánh quy-cookies <i>Project of upgrading biscuits-cookies production line</i>	5,998.70	Đầu tư đồng bộ phé-gói bánh quy kem, máy trộn nâng cấp chất lượng sản xuất bánh Goody. Dự án dự kiến đưa vào hoạt động tháng 01/06/2017. <i>Investing for synchorous cream cake packaging machine and mixer to increase the quality of Goody. It is expected to launch this project on June 1st 2017.</i>
4	DA cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC NMBH <i>Project of improving and upgrading Fire protection system – Bien Hoa Factory</i>	2,897.70	Cải tạo nâng cấp mới toàn bộ HT PCCC NMBH đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn PCCC mới theo yêu cầu Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai. <i>Improving and upgrading the entire Fire Protection system for Bien Hoa Factory to meet the requirement of Fire Protection Police Department in Dong Nai Province.</i>
5	Dự án nâng cấp phần mềm ứng dụng và phân hệ báo cáo thông minh <i>Project of upgrading application software and smart report</i>	2,111.70	Nâng cấp các ứng dụng và phần mềm mới báo cáo lãnh đạo. <i>Improving applications and new softwares to report managers.</i>
III	Các thiết bị lẻ đầu tư năm 2016 <i>Retail investment equipment 2016</i>	8,420.00	
Tổng cộng - Total		217,149.03	

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

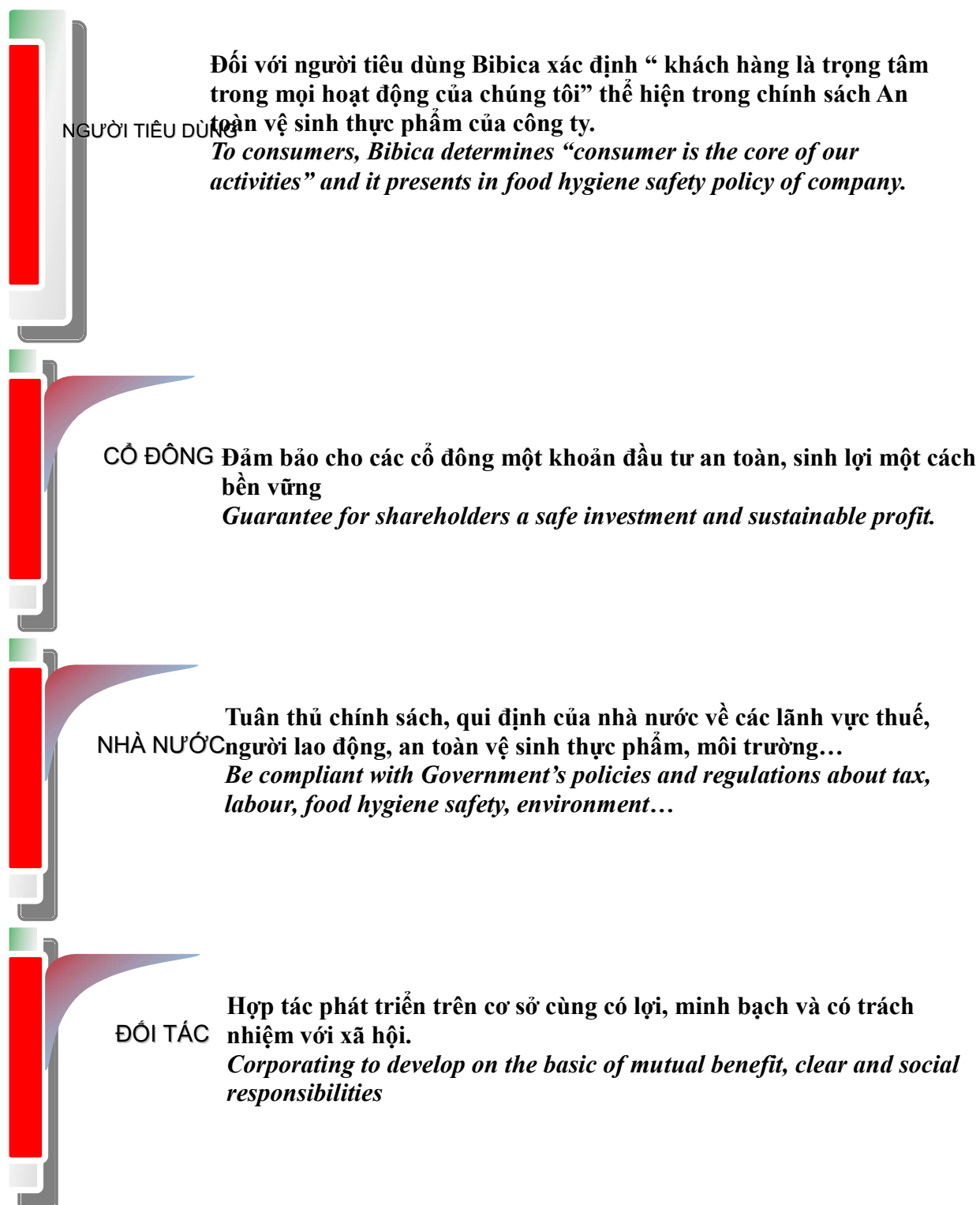
Explanation of the Board of Management on auditors’ assessment

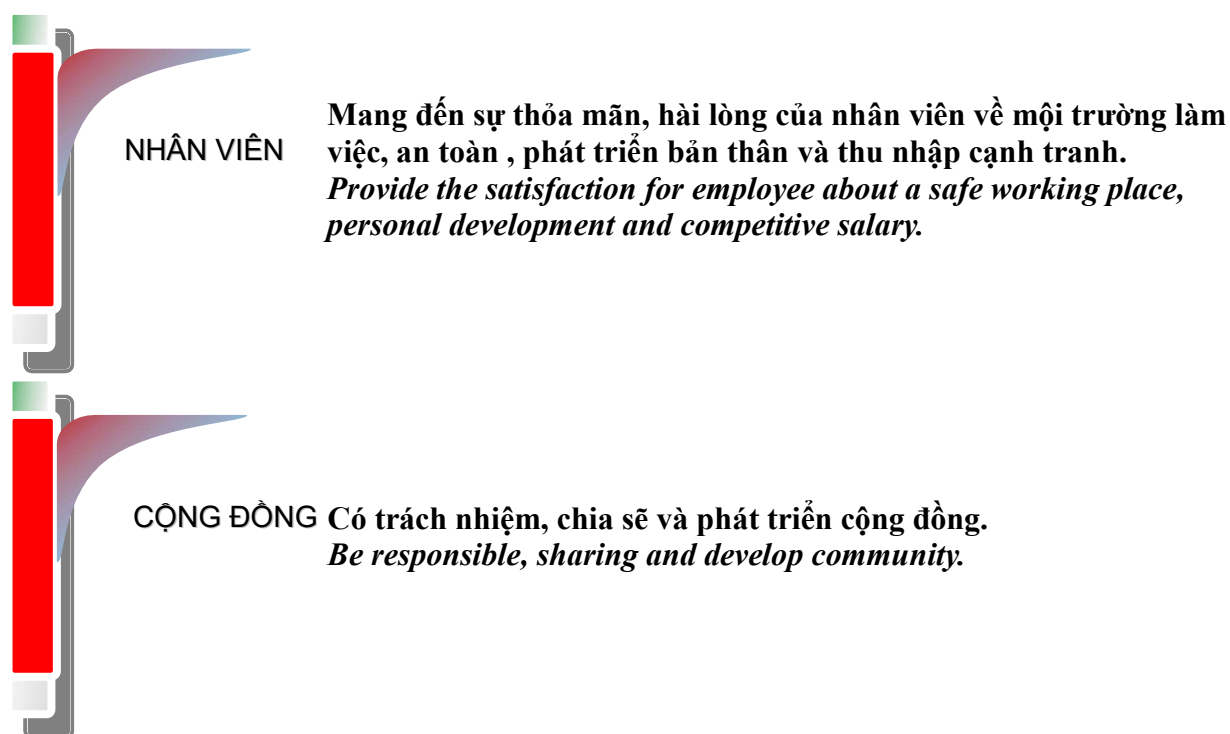
Không có vấn đề cần giải trình - *No explanation.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty –
Report on Company's responsibilities to environment and society

Công ty luôn cam kết với các bên liên quan:

Company commits to related parties:





Với cam kết đó trong năm 2016, Bibica tiếp tục hợp tác phát triển và không ngừng nâng cao giá trị mang lại cho các bên liên quan trong định hướng phát triển bền vững và thực thi sứ mệnh của mình.

With those commitments, in 2016, Bibica continues to cooperate for development and keep increase the value to related parties in the orientation of sustainable development and missions performance.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY – REPORT OF BOARD OF DIRECTOR ON BUSINESS PERFORMANCE

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty – General assessments on business performance

- a. Năm 2016 mặc dù tình hình chung còn nhiều khó khăn, sức mua thấp, cạnh tranh gay gắt nhưng Công ty vẫn giữ được tăng trưởng và đạt kết quả khả quan, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra cả về doanh số và lợi nhuận;

In 2016, although general situation had some difficulties such as low purchasing, hard competitive, company still kept the growth and achieved positive results which exceeded the plan sales and profit.

- b. Các sản phẩm và nhãn hàng chủ lực: bánh Hura, kẹo Migita, Sumika, bánh tết Goody được đầu tư đổi mới bao bì, nâng cấp chất lượng được thị trường chấp nhận và đánh giá tốt, tiếp tục là đầu tàu theo định hướng phát triển của Công ty;

Core products and brands such as Hura cake, Migita and Sumika candy, Goody cookies (for New Year season) were invested to change packaging, upgrade quality. Those were received good feedbacks from the market and continue to be target for Company's development.

- c. Các Nhà máy duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo chất lượng và áp dụng quy trình quản lý kiểm soát chi phí theo dòng chảy nguyên liệu MFCA giúp giảm chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả;

Factories maintained the sustainable production, quality control and applied MFCA to manage production materials in order to minimise the production cost and increase effectiveness.

- d. Hoạt động bán hàng được củng cố và kiểm soát chặt chẽ, ứng dụng các công cụ như DMS, PDA giúp nâng cao hiệu quả bán hàng và quản trị dữ liệu, chăm sóc khách hàng tốt hơn;

Sales activities were reinforced and managed effectively by DMS and PDA system. These systems helped to increase the sale's effectiveness and data management to provide better customer service.

- e. Công ty có nhiều hoạt động xã hội hướng tới cộng đồng: hiến máu nhân đạo, chăm sóc các mẹ Việt Nam anh hùng, xây sửa trường và trợ giúp học sinh nghèo vượt khó...

Company had many social activities such as: blood donation, taking care of Heroic Mothers, building up schools and supporting students with poor circumstances, etc.

- f. Một số hạn chế - Limitations

- Dòng bánh pie mặc dù được đầu tư đa dạng hóa sản phẩm và triển khai các hoạt động marketing, tuy nhiên chưa đạt mục tiêu đề ra và tỉ lệ khai thác dây chuyền còn thấp;

Although, pie cake line was invested to diversify products and launched marketing activities, it had not reached the targets and the productivity's rate was low.

- Tiến độ đầu tư các dự án mới còn chậm.

New projects' progress was slow.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty – General assessment of Board of Director on Board of Management's operations

- a. Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết ĐHCĐ và của HĐQT trong năm. Có nhiều giải pháp quản lý sâu sát hoạt động của từng bộ phận, nhà máy thành viên. Dự báo và kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào;

Board of General Director launched the Resolutions of BOD and Board of Shareholders well. There were many solutions to manage closely the activities of each department and subsidiaries. Cost of materials were forecasted and controlled carefully.

- b. Ban Tổng giám đốc Công ty có quan tâm cải thiện môi trường làm việc và thu nhập của người lao động, nâng cao phúc lợi, nghỉ mát, sinh hoạt và vận động mọi người tham gia tích cực công tác xã hội;

Board of General Director also cared and rebuilt the working environment and wages of labours; increased allowances, vacation and activities; and encouraged labours to join social activities positively;

- c. Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ;

Was compliant with law's regulations and internal charter;

- d. Tuy nhiên trong thời gian tới cần quan tâm đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển và Marketing để tạo bước đột phá mới cho Công ty. Cần có chính sách đào tạo, phát triển, giữ nguồn nhân lực trọng yếu cho Công ty trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay.

However, it should invest more in research & development and marketing activities to make a breakthrough for Company. Furthermore, there should have suitable training and developed policies to keep the core human resources in this competitive situation.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị - Plans, orientations of BOD

- a. Đến năm 2021 trở thành Công ty bánh kẹo hàng đầu Việt Nam;

Becoming the leading confectionery manufacturer in Vietnam by 2021;

- b.** Đầu tư mở rộng sản xuất tại Nhà máy Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông và Nhà máy Bibica tại Hưng Yên. Để đạt mục tiêu tăng trưởng doanh số đến 2021 đạt 2618 tỷ với mức tăng trưởng bình quân 20%/năm;

Eastern Bibica One Member Co., Ltd and Bibica Factory in Hung Yen shall be invested for production expansion

- c.** Phát triển dòng bánh kẹo chất lượng cao và dòng sản phẩm dinh dưỡng sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên có lợi cho sức khỏe;

Develop the premium confectionery line and nutritious product line which use the natural materials and are good for health;

- d.** Tập trung khai thác thị trường tại các thành phố lớn HCM, HN và Kênh MT.

Focus on exploiting the market in big cities such as HCMC and Hanoi; and MT Channel.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY – COMPANY MANAGEMENT

1. Hội đồng quản trị - Board of Director

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị - Members and structure of BOD:

Stt no	Họ và tên <i>Full name</i>	Tỷ lệ sở hữu CP/CK khác <i>Percentages of ownership in voting shares and other securities</i>	Chức danh <i>Position</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Jung Woo Lee	0%	Chủ tịch <i>Chairman</i>	
2	Trương Phú Chiến	0.77%	Phó Chủ tịch <i>Deputy Chairman</i>	Kiểm Tổng Giám Đốc từ 01/03/2008 <i>Cum General Director on March 1st 2008</i>
3	Võ Ngọc Thành	1.96%	Thành viên <i>Board member</i>	Thành viên độc lập <i>Independent member</i>
4	Jeong Hoon Cho	0%	Thành viên <i>Board member</i>	Từ nhiệm ngày 4/5/2016 <i>Resigned on May 4th 2016</i>
5	Nguyễn Khắc Hải	0%	Thành viên <i>Board member</i>	
6	Kim Jun Yeon	0%	Thành viên <i>Board member</i>	Bổ nhiệm ngày 4/5/2016 <i>Appointed on May 4th 2016</i>

- HĐQT bổ nhiệm Ông Jung Woo Lee làm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bibica kể từ ngày 28/03/2009 đến nay;
Board of Directors appointed Mr. Jung Woo Lee to be Chairman of Bibica Corporation from March 28th 2009 until now;
- HĐQT bổ nhiệm Ông Trương Phú Chiến giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám

Độc Công ty Cổ phần Bibica kể từ ngày 01/03/2008 đến nay.

Board of Directors appointed Mr. Truong Phu Chien to be Deputy Chairman of Bibica Corporation from March 1st 2008 until now

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị - *The committees of BOD:*

Không có – *Not any.*

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị - *Activities of BOD*

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị - *Assessment on the BOD's activities*

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

BOD has supervised closely to the activities of Board of Managers, organised meetings to lead the operational strategies and supported Board of Managers to perform the Board of Shareholders' resolutions.

- HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

BOD was compliant with the law in management. BOD member performed the precise functions and duties which were appointed in the Company's regulations and Board of Shareholders' Resolutions.

- HĐQT đã tuân thủ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BOD published information that was compliant with regulations at Decree 155/2015/TT-BTC dated October 6th 2015 about publishing information on stock market.



- Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị - *Number of meetings of BOD*

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>BOD Member</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu là TV HĐQT <i>Started date to be BOD member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>No. of meetings participated</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for absence</i>
1	Jung Woo Lee	CT. HĐQT <i>Chairman</i>	28/03/2009	04	100%	
2	Trương Phú Chiến	P.CT HĐQT <i>Deputy Chairman</i>	26/03/2011	04	100%	
3	Võ Ngọc Thành	Thành Viên <i>Board member</i>	27/03/2010	04	100%	
4	Nguyễn Khắc Hải	Thành Viên <i>Board member</i>	24/10/2015	04	100%	
5	Kim Jun Yeon	Thành Viên <i>Board member</i>	04/05/2016	03	75%	Bổ nhiệm ngày 4/5/2016 <i>Appointed on May 4th 2016</i>
6	Jeong Hoon Cho	Thành Viên <i>Board member</i>	28/03/2009 đến ngày/ <i>until</i> 04/05/2016	00	00	Từ nhiệm ngày 4/5/2016 <i>Resigned on May 4th 2016</i>

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp – *Contents and results of Board of Directors meetings:*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decisions No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	005048/2016/QĐBN-HĐQT	04/01/2016	Thông qua: Giao nhiệm vụ cho Ông Vũ Văn Thúc phụ trách Khối Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Bibica <i>Approving the duties appointment to Mr. Vu Van Thuc to in-charge the Financial Accountant Department of Bibica Corporation.</i>
2	000386/2016/ NQ-HĐQT	02/03/2016	Thông qua: Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2015 bằng tiền: mức chi 12%/01 cổ phiếu, ngày thực hiện 31/03/2016

			<i>Approving the dividend advance payment batch 1 in 2015 by cash: 12%/ 1 share, implemented on March 31st 2016</i>
3	Bản tổng hợp ý kiến TV HĐQT <i>Summarise sheet of BOD member's opinions</i>	09/03/2016	Thông qua: Phương án phân thưởng vượt lợi nhuận năm 2015 cho Ban Điều Hành, mức thưởng vượt lợi nhuận bằng 20% phần vượt lợi nhuận, tối đa 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). <i>Approving the solution to distribute bonus 2015 to Board of Managers, the rate of exceed profit bonus is equal to 20% of the exceeded profit, maximum is 2,000,000 VND (2 billion VND)</i>
4	000953/NQ-HĐQT	05/04/2016	Thông qua: Thời gian họp ĐHCĐTN năm 2016 vào 25/05/2016 <i>Approving the meeting time of Annual Meeting of Shareholders in 2016 as on May 25th 2016.</i>
5	001530/2016/BC-HĐQT	04/05/2016	Thông qua: Miễn nhiệm chức danh TV HĐQT đối với Ông Jong Hoon Cho và bổ nhiệm Ông Kim Jun Yeon giữ chức danh TV HĐQT từ ngày 04/05/2016 <i>Approving to dismiss Mr. Jong Hoon Cho as BOD member and assign Mr. Kim Jun Yoen to be BOD member since May 4th 2016.</i>
6	Bản tổng hợp ý kiến TV HĐQT <i>Summarise sheet of BOD member's opinions</i>	10/05/2016	Thông qua: Đầu tư máy định hình trung thu cho Nhà máy Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica <i>Approving the investment on mooncake shaping machine at Bien Hoa Factory – a branch of Bibica Corporation.</i>
7	003184/2016/NQ-HĐQT	06/08/2016	Thông qua: Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2016 bằng tiền: mức chi 06%/01 cổ phiếu <i>Approving the dividend advanced payment batch 1 in 2016 by cash: 6%/ 1 share.</i>
8	005260/2016/NQ-HĐQT	26/11/2016	Thông qua: Đầu tư dự án Cracker <i>Approving the investment on Cracker project</i>

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị**
Activities of independent members of the Board of Directors; activities of the committees of the Board of Directors:
Không có.*No activities.*
- e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm**

**List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance.
List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year**

- Khóa đào tạo về Tăng tốc độ, tăng năng suất, tăng phối hợp với chu trình PDCA & HORENSO từ Nhật Bản" do JAPAN CIRCLE tổ chức: Ông Trương Phú Chiến - PCTHĐQT.

Mr. Truong Phu Chien: "Training course about increasing speed, increasing productivity, increasing corporation with PDCA & HORENSO from Japan" which was organised by JAPAN CIRCLE.

2. Ban Kiểm soát–The Supervisory Board:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát -Members and structure of the Supervisory Board:

Stt No.	Họ và tên <i>Full name</i>	Tỷ lệ sở hữu CP/CK khác <i>Rate of other shares owned</i>	Chức danh <i>Position</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Vũ Cường	0	Thành viên <i>Board member</i>	
2	Nguyễn Văn Giang	0	Thành viên <i>Board member</i>	
3	Hur Jin Kook	0	Thành viên <i>Board member</i>	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát - Activities of the Supervisory Board:

Stt No	Thành viên BKS <i>Member of Board of Supervisory</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu là thành viên BKS <i>Starting date to be member of BOS</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>No. of BOS's meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for absence</i>
1	Vũ Cường	Thành viên <i>Board member</i>	28/10/2013	04	100%	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên <i>Board member</i>	28/10/2013	04	100%	
3	Hur Jin Kook	Thành viên <i>Board member</i>	28/10/2013	04	100% (UQ cho Ông Nguyễn Văn Giang <i>100% authorised for Mr. Nguyen Van Giang</i>)	Công việc cá nhân <i>Personal reason</i>

- BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Công ty nhằm nâng cao tính độc lập của BKS;

The Supervisory Board corporated closely with Board of Directors and General Director; attended all the BOD's meetings to increase the independence of the Supervisory Board

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BOD and Board of General Directors provided conditions for the Supervisory Board to collect the data and information related to operating activities of Company.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát - Transactions, remunerations and other interests of the BOD, BOM and Supervisory Board:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích- Salary,bonus, remuneration and other interests:

- Thù lao HĐQT – Remuneration of BOD:

STT No.	HỌ VÀ TÊN Full name	CHỨC VỤ Position	TỈ LỆ THÙ LAO Remuneration rate	THÙ LAO HĐQT NĂM 2016 Total Annual remuneration of BOD 2016
1	Jung Woo Lee	Chủ tịch Chairman	30%	366,797,147
2	Trương Phú Chiến	Phó chủ tịch Deputy Chairman	25%	305,664,289
3	Kim Jun Yeon	Thành viên Board memner	15% (8 tháng – 8 months)	122,265,716
4	Võ Ngọc Thành	Thành viên Board memner	15%	183,398,574
5	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Board memner	15%	183,398,574
6	Jeong Hoon Cho	Thành viên Board memner	15% (4 tháng – 4 months)	61,132,858
	TỔNG - TOTAL			1,222,657,157

- Thù lao BKS–Remuneration of the Supervisory Board:

STT No.	HỌ VÀ TÊN Full name	CHỨC VỤ Position	TỈ LỆ Rate %	THÙ LAO BKS NĂM 2016 Year 2016	GHI CHÚ Notes
------------	------------------------	---------------------	-----------------	--------------------------------------	------------------

				<i>Remuneration of the Supervisory Board</i>	
1	Vũ Cường	Thành viên <i>Board member</i>	40%	100,800,000	
2	Nguyễn Văn Giang	Thành viên <i>Board member</i>	40%	100,800,000	
3	Hur Jin Kook	Thành viên <i>Board member</i>	20%	50,400,000	
	TỔNG - TOTAL			252,000,000	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ - *Transactions of internal shareholders:*

Stt No	Tên tổ chức/cá nhân <i>Transactor</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>Certificate number</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Transaction date</i>	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch <i>No. of saheres after transaction</i>
1	Công ty cổ phần thực phẩm PAN <i>Pan Foods JSC</i>	Cổ đông lớn <i>Big Shareholder</i>	0313041011	236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM <i>236/43/2 Dien Bien Phu Street, Ward 17, Binh Thanh District, HCMC</i>	26/10/2016	6,742,930

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ - *Contracts or transactions with internal shareholders:*

Không có – *Not any.*

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty – *Implementation of regulations on corporate governance*

Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật – *In compliance with the laws.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH – *FINANCIAL STATEMENTS*

1. Báo cáo kiểm toán độc lập – *Independent auditors’ report*

“Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Bibica

“To: *The Shareholders of Bibica Corporation*

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Bibica Corporation and its subsidiaries (“the Company”) as prepared on March 20th 2017 and set out on page 5 to page 30, which comprise the consolidated balance sheet as at December 31st 2016, and the consolidated income statement and consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Board of General Directors’ Responsibility

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Board of General Directors is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statement, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Auditors’ responsibility

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Opinion

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Company as at December 31st 2016, and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ernst & Young Vietnam Co., Ltd

Đoàn Thị Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc

Deputy General Director

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Audit Practicing Registration Certificate

Số/ No: 1070-2013-004-1

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kiểm toán viên

Auditor

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Audit Practicing Registration Certificate

Số/ No: 3040-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam – *Ho Chi Minh City, Vietnam*

Ngày 20 tháng 3 năm 2017 – *March 20th 2017*

19. Báo cáo tài chính được kiểm toán – Audited financial statements

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
CONSOLIDATED BALANCE SHEET

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

As at December 31st 2016

Mã số Code	TÀI SẢN - ASSETS	Thuyết minh Notes	Số cuối năm Ending balance	Số đầu năm Beginning balance
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN – CURRENT ASSETS		789,309,796,393	723,052,839,579
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền – Cash and cash equivalents	4	368,688,250,041	299,793,647,514
111	1. Tiền - Cash		65,915,450,041	101,568,647,514
112	2. Các khoản tương đương tiền – Cash equivalents		302,772,800,000	198,225,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn – Short- term investments		216,529,535,252	131,270,322,430
121	1. Chứng khoán kinh doanh - Held- for-trading securities	5.1	4,618,744,826	4,618,744,826
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh - Provisions for held- for-trading securities	5.1	(2,089,209,574)	(2,348,422,396)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Held-to-maturity investments	5.2	214,000,000,000	129,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn – Current account receivables	6	97,490,045,760	203,668,938,971
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Short-term trade receivables		78,590,050,187	74,451,213,128
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn – Short-term advances to suppliers		12,049,639,637	192,814,313
136	3. Phải thu ngắn hạn khác – Other short-term receivables		10,570,945,058	134,963,813,678
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi – Provision for short-term doubtful debts		(3,720,589,122)	(5,938,902,148)
140	IV. Hàng tồn kho - Inventories	7	100,903,638,657	83,488,669,382
141	1. Hàng tồn kho - Inventories		104,015,435,313	85,950,400,875
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho – Provision for obsolete inventories		(3,111,796,656)	(2,461,731,493)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác – Other current assets		5,698,326,683	4,831,261,282
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn – Short- term prepaid expenses	8	3,984,441,240	4,165,907,154
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ - VAT deductible	14	1,475,532,856	35,318,250
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước – Tax and other receivables	14	238,352,587	630,035,878

	<i>from the State</i>			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN – <i>NON-CURRENT ASSETS</i>		251,838,264,523	283,849,511,886
220	I. Tài sản cố định – <i>Fixed assets</i>		206,533,187,489	239,940,885,006
221	1. Tài sản cố định hữu hình – <i>Tangible fixed assets</i>	9	202,273,094,999	235,067,195,958
222	Nguyên giá - <i>Cost</i>		584,347,444,852	577,719,768,533
223	Giá trị hao mòn lũy kế - <i>Accumulated depreciation</i>		(382,074,349,853)	(342,652,572,575)
227	2. Tài sản cố định vô hình – <i>Intangible fixed assets</i>	10	4,260,092,490	4,873,689,048
228	Nguyên giá - <i>Cost</i>		9,292,486,943	8,994,486,943
229	Giá trị hao mòn lũy kế - <i>Accumulated amortisation</i>		(5,032,394,453)	(4,120,797,895)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn – <i>Long-term assets in progress</i>		3,043,705,374	2,104,475,920
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang – <i>Construction in progress</i>	11	3,043,705,374	2,104,475,920
260	III. Tài sản dài hạn khác – <i>Other long-term assets</i>		42,261,371,660	41,804,150,960
261	1. Chi phí trả trước dài hạn – <i>Long-term prepaid expenses</i>	8	39,341,232,578	39,151,816,871
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – <i>Deferred tax assets</i>	26.3	2,920,139,082	2,652,334,089
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN – <i>TOTAL ASSETS</i>		1,041,148,060,916	1,006,902,351,465
Mã số Code	NGUỒN VỐN – LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY	Thuyết minh Notes	Số cuối năm Ending balance	Số đầu năm Beginning balance
300	C. NỢ PHẢI TRẢ - <i>LIABILITIES</i>		288.291.233.439	301,304,231,873
310	I. Nợ ngắn hạn – <i>Current liabilities</i>		267.550.910.686	281,964,321,466
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn – <i>Short-term trade payables</i>	12	95,570,976,947	69,029,602,713
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn – <i>Short-term advances from customers</i>	13	6,373,109,162	4,469,050,877
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – <i>Statutory obligations</i>	14	13,744,493,832	17,889,804,167
314	4. Phải trả người lao động – <i>Payables to employees</i>		10,476,155,903	9,034,070,044
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn – <i>Short-term accrued expenses</i>	15	136,655,973,027	119,970,888,667
319	6. Phải trả ngắn hạn khác – <i>Other short-term payables</i>	16	3,100,308,610	57,964,809,638
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi – <i>Bonus and welfare fund</i>		1,629,893,205	3,606,095,360
330	II. Nợ dài hạn – <i>Non-current liabilities</i>		20,740,322,753	19,339,910,407
337	1. Phải trả dài hạn khác – <i>Other long-</i>	17	5,841,395,442	6,118,598,517

	<i>term liabilities</i>			
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn – <i>Other long-term provisions</i>	18	14,898,927,311	13,221,311,890
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU – <i>OWNER'S EQUITY</i>		752,856,827,477	705,598,119,592
410	I. Vốn chủ sở hữu– <i>Owner's equity</i>	19.1	752,856,827,477	705,598,119,592
411	1. Vốn cổ phần – <i>Share capital</i>		154,207,820,000	154,207,820,000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết– <i>Shares with voting rights</i>		154,207,820,000	154,207,820,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần – <i>Share premium</i>		302,726,583,351	302,726,583,351
418	3. Quỹ đầu tư phát triển – <i>Investment and development fund</i>		224,553,967,078	163,508,737,432
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối – <i>Undistributed earnings</i>		71,368,457,048	85,154,978,809
421a	- Lợi nhuận phân phối thừa đến cuối năm trước – <i>Undistributed earnings up to the end of prior year</i>		(660,346,503)	(660,346,503)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay – <i>Undistributed profit up to the current year</i>		72,028,803,551	85.815,325,312
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN – <i>TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY</i>		1,041,148,060,916	1,006,902,351,465

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

Năm 2016

As 2016

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU - ITEM</i>	<i>Thuyết minh Notes</i>	<i>Năm nay Current year</i>	<i>Năm trước Previous year</i>
01	1. Doanh thu về bán hàng – <i>Revenue from sale of goods</i>	20.1	1,271,249,285,355	1,178,139,117,394
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu - <i>Deductions</i>	20.1	(7,816,647,111)	(6,355,864,839)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng – <i>Net revenue from sale of goods</i>	20.1	1,263,432,638,244	1,171,783,252,555
11	4. Giá vốn hàng bán – <i>Costs of goods sold</i>	21	(818,052,516,238)	(764,731,007,924)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng – <i>Gross profit from sale of goods</i>		445,380,122,006	407,052,244,631

21	6. Doanh thu hoạt động tài chính – <i>Financial income</i>	20.2	18,236,228,681	13,328,829,250
22	7. Chi phí tài chính – <i>Financial expenses</i>		(711,421,616)	(372,218,871)
25	8. Chi phí bán hàng – <i>Selling expenses</i>	22	(285,308,631,412)	(236,787,465,453)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp – <i>General and administration expenses</i>	23	(72,892,714,000)	(76,838,559,693)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh – <i>Operating profit</i>		104,703,583,659	106,382,829,864
31	11. Thu nhập khác – <i>Other income</i>	25	1,761,881,615	1,503,812,368
32	12. Chi phí khác – <i>Other expenses</i>	25	(9,447,608,857)	(2,367,978,054)
40	13. Lỗ khác – <i>Other losses</i>	25	(7,685,727,242)	(864,165,686)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - <i>Profit before tax</i>		97,017,856,417	105,518,664,178
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành – <i>Current corporate income tax Expense</i>	26.1	(16,004,388,659)	(21,026,505,425)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại – <i>Deferred income tax credit</i>	26.3	267,804,993	1,323,166,559
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN – <i>Net profit after tax</i>		81,281,272,751	85,815,325,312
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ - <i>Net profit after tax of the parent</i>		81,281,272,751	85,815,325,312
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu – <i>Basic earnings per share</i>	19.4	4,865	5,287
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu – <i>Diluted earnings per share</i>	19.4	4,865	5,287

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**CASH FLOW STATEMENT**(Theo phương pháp gián tiếp – *Indirect method*)

Mã số	CHỈ TIÊU - ITEMS	Thuyết minh Notes	Năm nay Current year	Năm trước Previous year
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH – CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế - Profit before tax		97,017,856,417	105,518,664,178
	<i>Điều chỉnh cho các khoản – Adjustments for:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn - <i>Depreciation and amortisation</i>	9, 10	40,958,629,428	40,305,751,557
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)– <i>(Reversal of provision) provisions</i>		(1,827,460,685)	8,100,669,763
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ - <i>Foreign exchange gains (losses) arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign country</i>		(1,962,436,227)	(1,532,728,998)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư – <i>Profits from investing activities</i>		(15,702,336,512)	(9,779,747,592)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động – Operating profit before changes in working capital		118,484,252,421	142,612,608,908
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu – <i>Decrease (increase) in receivables</i>		110,219,652,932	(10,640,115,844)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho – <i>(Increase) decrease in inventories</i>		(18,065,034,438)	2,853,754,908
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả - <i>(Decrease) increase in payables</i>		(6,005,534,050)	44,208,299,157
12	Tăng chi phí trả trước – <i>Increase in prepaid expenses</i>		(551,471,014)	(779,415,932)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp – <i>Corporate income tax paid</i>	14	(19,901,112,684)	(22,602,433,067)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh – <i>Other cash outflows from operating activities</i>		(9,377,827,599)	(3,709,695,546)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh – Net cash flows from (used in) operating activities		174,802,925,568	151,943,002,584
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ – CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định – <i>Purchases and construction of fixed</i>		(8,104,303,852)	(3,486,243,834)

	<i>assets</i>			
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định – <i>Proceeds from disposals of fixed assets</i>		45,000,000	-
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn – <i>Collections from deposit accounts</i>		186,000,000,000	85,000,000,000
25	Chi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – <i>Payments for deposit accounts and for investments in other entities</i>		(271,000,000,000)	(179,104,460,000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – <i>Proceeds from sale of an investment in other entities</i>		-	119,901,000
27	Lãi tiền gửi nhận được – <i>Interest received</i>		12,977,027,998	10,084,069,567
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư – <i>Net cash flows from investing activities</i>		(80,082,275,854)	(87,386,733,267)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH – <i>CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</i>			
36	Cổ tức đã trả - <i>Dividends paid to entity</i>	19.2	(27,757,407,600)	(18,504,938,400)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính – <i>Net cash flows from financing activities</i>		(27,757,407,600)	(18,504,938,400)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm – <i>Net cash flows in year</i>		66,963,242,114	46,051,330,917
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm – <i>Cash and cash equivalents at beginning of year</i>		299,793,647,514	252,205,941,806
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - <i>Impact of exchange rate fluctuation</i>		1,931,360,413	1,536,374,791
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm – <i>Cash and cash equivalent at the end of year</i>	4	368,688,250,041	299,793,647,514

Thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán vui lòng tham khảo trên Website Bibica theo địa chỉ <http://www.bibica.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh-451>.

Please refer to Bibica Corporation's website at <http://www.bibica.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh-451> for information of audited financial statement.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION OF COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



Trương Phú Chiến